

CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO
Hòa bình-Độc lập-Dân chủ-Thống nhất-Thịnh vượng

QUỐC HỘI

Số 46/QH
Viêng chăn, ngày 26/12/2013

LUẬT DOANH NGHIỆP
(BẢN SỬA ĐỔI)
PHẦN I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích

Luật Doanh nghiệp quy định những nguyên tắc, quy chế và biện pháp về việc thành lập, hoạt động và quản lý doanh nghiệp tại nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của mọi thành phần kinh tế, nhằm mở rộng lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, đẩy mạnh phát triển và tăng trưởng kinh tế quốc gia, và cải thiện đời sống người dân.

Điều 2: (Sửa đổi) Doanh nghiệp

Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế của cá nhân hoặc pháp nhân bao gồm có tên, vốn , tài sản , hệ thống quản lý , trụ sở và được đăng ký doanh nghiệp theo Luật này .Doanh nghiệp còn được gọi là “Đơn vị kinh doanh “.

Điều 3: (Sửa đổi) Diễn giải các thuật ngữ

Các thuật ngữ dùng trong Luật này được diễn giải như sau :

- Kinh doanh là một hoạt động trong một hoặc tất cả các giai đoạn của một quá trình đầu tư, từ giai đoạn sản xuất tới cung cấp dịch vụ, nhằm mục đích thu lợi nhuận và sử dụng các lợi nhuận cho phúc lợi công cộng;
- Danh sách Hạn chế là danh sách các hoạt động kinh doanh có tính nhạy cảm cao, liên quan chủ yếu tới an ninh quốc gia, trật tự công cộng, các truyền thống và môi trường, cần được các cơ quan thuộc lĩnh vực liên quan kiểm tra trước khi cấp đăng ký doanh nghiệp;
- Doanh nghiệp cá thể là hình thức doanh nghiệp do một người thành lập. Doanh nghiệp cá thể hoạt động kinh doanh vì lợi ích của chủ doanh nghiệp. Chủ doanh nghiệp là một người duy nhất và chịu trách nhiệm vô hạn về những khoản nợ của doanh nghiệp;
- Công ty cổ phần là hình thức doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở hợp đồng giữa ít nhất hai nhà đầu tư để huy động vốn, với mục đích cùng hoạt động kinh doanh và cùng chia lợi nhuận;
- Công ty cổ phần phổ thông là một loại của công ty cổ phần do các cổ đông cùng điều hành kinh doanh dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau giữa họ và tất cả các cổ đông đều có trách nhiệm vô hạn về những khoản nợ của doanh nghiệp;
- Công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn là một loại của công ty cổ phần trong đó một số cổ đông chịu trách nhiệm vô hạn về những khoản nợ của doanh nghiệp, được gọi là “cổ đông chung”, và một số cổ đông khác chịu trách nhiệm có hạn về những khoản nợ của doanh nghiệp được gọi là “cổ đông hữu hạn”;
- Công ty là một hình thức doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở phân chia vốn thành những cổ phần có giá trị ngang nhau. Những người nắm giữ cổ phần chịu trách nhiệm không quá giá trị cổ phần của mình (kể cả phần chưa đóng đủ) đối với những khoản nợ của công ty;

8. Công ty trách nhiệm hữu hạn là một kiểu công ty có số người nắm giữ cổ phần ít nhất là 2 nhưng không được quá 30, trừ trường hợp được quy định trong đoạn 1 Điều 85 của bộ Luật này. Công ty trách nhiệm hữu hạn chỉ có 1 người nắm giữ cổ phần được gọi là “Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên”;
9. Công ty đại chúng là một kiểu công ty có số cổ đông thành lập ít nhất là 9 người, được quyền tự do chuyển nhượng cổ phiếu và công khai bán cổ phiếu;
10. Công khai bán cổ phiếu là đưa ra công chúng bán các cổ phiếu của công ty đại chúng tại thị trường chứng khoán hoặc bên ngoài thị trường chứng khoán phù hợp với luật pháp và các quy định liên quan;
11. Cổ phần là vốn của doanh nghiệp cổ phần hoặc công ty chia ra thành phần có giá trị không ngang nhau hoặc ngang nhau trực thuộc hình thức doanh nghiệp cổ phần hoặc công ty được quy định trong Luật này;
12. Cổ phần thường (phổ thông) là loại cổ phần mà chủ cổ phần không thể đưa ra mua bán;
13. Cổ phần ưu đãi là loại cổ phần mà chủ cổ phần có thể đem ra mua bán. Cổ phần ưu đãi có các quyền lợi và điều kiện khác với cổ phần thường;
14. Giấy chứng nhận cổ phần là giấy tờ pháp lý quan trọng thể hiện quyền và sở hữu một phần trong doanh nghiệp cổ phần và công ty của cổ đông hoặc người nắm giữ cổ phần;
15. Trái phiếu là tài liệu hợp pháp chứng minh phần của cổ đông hoặc quyền và sở hữu của người nắm giữ cổ phần trong công ty cổ phần hoặc công ty;
16. Cổ tức là khoản tiền chia cho các cổ đông hoặc người nắm giữ cổ phần có nguồn gốc từ lãi ròng của công ty cổ phần hoặc công ty sau khi đã khấu trừ vốn ban đầu, các chi phí và các khoản nợ;
17. Đại biểu cần thiết theo quy định là số lượng tối thiểu những người tham dự cuộc họp để cho phép tiến hành cuộc họp một cách hợp pháp;
18. Bí mật thương mại là thông tin quan trọng liên quan tới phương pháp sản xuất, kinh doanh hoặc dịch vụ của doanh nghiệp mà nếu bị lộ sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho sự ổn định và tình trạng tài chính của doanh nghiệp;
19. Thanh lý viên là người được toà án hoặc doanh nghiệp bị giải thể hoặc bị phá sản cử ra để thực hiện những quyền và nhiệm vụ liên quan tới tài sản nhằm thanh lý tài sản cho các chủ nợ của doanh nghiệp và cho các chủ doanh nghiệp, các cổ đông hoặc người nắm giữ cổ phần đối với phần vốn họ nắm giữ.

Điều 4: Quyền thành lập doanh nghiệp

Công dân Lào, những người thường trú, người không quốc tịch đang sinh sống, cư trú tại nước CHDCND Lào và những người sống bên ngoài Tổ quốc đều có quyền tiến hành hoặc tham gia hoạt động kinh doanh phù hợp với luật pháp của nước CHDCND Lào.

Điều 5: Bình đẳng về kinh doanh

Tất cả mọi thành phần kinh tế, không kể nước ngoài hay trong nước, đều được coi ngang nhau và cùng bình đẳng trước pháp luật trong hoạt động kinh doanh, nhằm mục đích thúc đẩy lực lượng sản xuất và mở rộng sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

Điều 6: Nghĩa vụ của doanh nghiệp

Các doanh nghiệp có nghĩa vụ hoạt động kinh doanh đúng với các lĩnh vực ngành nghề đã đăng ký và phù hợp với các chế độ sổ sách kế toán của doanh nghiệp, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo vệ những quyền lợi hợp pháp của người lao động, bảo vệ môi trường và tôn trọng các luật lệ và quy định của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

Điều 7: Quyền và lợi ích của các doanh nghiệp được Nhà nước bảo vệ

Nhà nước xúc tiến các cá nhân và tổ chức, không kể nước ngoài hay trong nước, thành lập doanh nghiệp hoặc tham gia hoạt động kinh doanh trong tất cả mọi lĩnh vực không bị cấm. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thông qua những chính sách xúc tiến về thuế, hỗ trợ thông tin và các dịch vụ khác, nhằm xúc tiến tất cả các doanh nghiệp đóng góp vào phát triển kinh tế-xã hội.

Những quyền lợi hợp pháp của các doanh nghiệp như vốn và tài sản được pháp luật bảo vệ.

Điều 8: Hợp tác quốc tế

Trong các hoạt động kinh doanh, Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp hợp tác với nước ngoài nhằm thu hút vốn, khoa học và công nghệ; trao đổi thông tin và kinh nghiệm về quản lý kinh doanh tiên tiến; mở rộng thị trường và hội nhập trong vùng và thế giới.

Điều 9: (Sửa đổi) Phạm vi áp dụng

Luật này áp dụng đối với mọi loại hình doanh nghiệp thành lập và hoạt động kinh doanh tại nước CHDCND Lào.

PHẦN II

DOANH NGHIỆP

CHƯƠNG I

CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Điều 10: (Sửa đổi) Các loại doanh nghiệp

Tại Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, có bốn loại doanh nghiệp : doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp hợp doanh và doanh nghiệp tập thể.

Doanh nghiệp tư nhân có thể thành lập và tiến hành kinh doanh theo những hình thức và kiểu loại một doanh nghiệp nào đó như đã quy định tại PHẦN III, PHẦN IV và PHẦN V của Luật này.

Doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp hợp doanh được thành lập và tiến hành kinh doanh dựa trên những nguyên tắc của công ty chủ đạo như đã quy định tại PHẦN VI và PHẦN VII của Luật này.

Việc thành lập và tiến hành kinh doanh của doanh nghiệp tập thể đã được nêu tại quy định riêng khác.

Điều 11 : Các hình thức doanh nghiệp

Hình thức doanh nghiệp là việc tổ chức kinh doanh làm cơ sở cho thành lập và hoạt động kinh doanh của tất cả các loại doanh nghiệp.

Có ba hình thức doanh nghiệp :

1. Doanh nghiệp cá thể;
2. Công ty cổ phần;
3. Công ty.

Điều 12: Các loại công ty cổ phần và công ty

Có bốn loại công ty cổ phần và công ty sau :

1. Hai loại công ty cổ phần :

- Công ty cổ phần phổ thông;
- Công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn;

2. Hai loại công ty :

- Công ty trách nhiệm hữu hạn bao gồm cả công ty trách nhiệm hữu hạn một thành

viên

- Công ty đại chúng.

Điều 13 (Mới) Chuyển đổi hình thức hoặc loại hình doanh nghiệp

Việc chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành doanh nghiệp cổ phần được tiến hành bằng việc tăng số lượng và loại cổ đông sau đó thành lập và hoạt động theo quy định của Luật này nhưng các khoản nợ của doanh nghiệp tư nhân sẽ trở thành trách nhiệm của doanh nghiệp cổ phần mới ngoại trừ doanh nghiệp tư nhân này bị giải thể hoặc thanh lý đầy đủ và phù hợp trước khi thành lập doanh nghiệp cổ phần.

Việc chuyển đổi hình thức doanh nghiệp như chuyển đổi doanh nghiệp cổ phần thành công ty sẽ được tiến hành khi doanh nghiệp có liên quan giải thể và thanh lý đầy đủ và phù hợp sau đó mới khai báo đăng ký doanh nghiệp mới theo quy định của Luật này.

Đối với việc chuyển đổi hình thức doanh nghiệp đã nêu tại quy định riêng.

CHƯƠNG II

ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Điều 14 (Sửa đổi) Đăng ký doanh nghiệp

Đăng ký doanh nghiệp là việc phê duyệt thành lập doanh nghiệp một cách hợp pháp.

Tiến hành hoạt động kinh doanh phải đăng ký doanh nghiệp ngoại trừ hoạt động kinh doanh được quy định cụ thể riêng.

Đăng ký doanh nghiệp được cấp một lần cho toàn bộ quá trình hoạt động của một doanh nghiệp.

Điều 15 (Sửa đổi) Nộp đơn xin đăng ký doanh nghiệp

Người có ý định tiến hành kinh doanh tại Cộng hoà Dân chủ Nhân Dân Lào cần nộp đơn xin đăng ký doanh nghiệp cho phòng đăng ký doanh nghiệp liên quan của cơ quan công thương, ngoại trừ pháp luật liên quan có quy định khác.

Điều 16 (Sửa đổi) Quy trình xem xét cấp đăng ký doanh nghiệp

Sau khi nhận đơn xin đăng ký doanh nghiệp, phòng đăng ký doanh nghiệp phải xem loại hình kinh doanh đăng ký đó có nằm trong danh sách hạn chế hay không.

Nếu không nằm trong danh sách này, phòng đăng ký doanh nghiệp xem xét cho thành lập doanh nghiệp ngay.

Trường hợp hoạt động kinh doanh nằm trong danh sách hạn chế, phòng đăng ký doanh nghiệp phải ngay lập tức trình lên cơ quan thuộc lĩnh vực liên quan.

Điều 17 Thời gian xem xét đăng ký doanh nghiệp

Loại hình kinh doanh không nằm trong danh mục được kiểm soát và hạn chế phòng đăng ký doanh nghiệp phải xem đăng ký doanh nghiệp không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp hoạt động kinh doanh nằm trong Danh sách Hạn chế, phòng đăng ký doanh nghiệp phải ngay lập tức trình lên cơ quan thuộc lĩnh vực liên quan. Cơ quan thuộc lĩnh vực liên quan phải xem xét và trả lời cho phòng đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, trừ trường hợp hoạt động kinh doanh đòi hỏi phải có kiểm tra kỹ thuật lâu hơn thời hạn này. Sau khi nhận được trả lời của cơ quan thuộc lĩnh vực liên quan, phòng đăng ký doanh nghiệp phải xem xét đơn trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc.

Trong trường hợp cơ quan chức năng từ chối cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn chậm nhất không được quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được câu trả lời.

Danh sách Hạn chế và thời hạn kiểm tra kỹ thuật nằm ngoài quy định nêu trong đoạn 2 của điều này do Chính phủ thông qua.

Điều 18 (Mới) Xem xét đơn đăng ký doanh nghiệp của cơ quan chức năng

Việc xem xét đơn đăng ký doanh nghiệp của cơ quan chức năng phải căn cứ theo chủ

trương và quy định quản lý phát triển doanh nghiệp của cơ quan mình và phối hợp với cơ quan khác và chính quyền địa phương có liên quan sau đó phúc đáp bằng văn bản cho cơ quan đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp không đồng ý cho đăng ký doanh nghiệp phải giải thích rõ lý do để phòng đăng ký doanh nghiệp thông báo cho người nộp đơn

Hoạt động nằm trong danh mục kinh doanh được kiểm soát trực thuộc sự quản lý của cơ quan nào đó phải quy định rõ ràng về quy trình và quy định thời gian trong việc xem xét.

Điều 19: Đăng ký doanh nghiệp không hợp lệ

Đăng ký doanh nghiệp không hợp lệ có nghĩa một doanh nghiệp đã đăng ký nhưng có sai sót một phần hoặc toàn bộ về kiểu loại, hình thức doanh nghiệp hoặc sai sự thật cần phải sửa đổi. Có thể sửa những sai sót này. Trường hợp sai sót không thể sửa, doanh nghiệp liên quan sẽ bị giải thể theo những thủ tục quy định trong Luật này.

Đăng ký doanh nghiệp cho một cá nhân bị luật pháp cấm hoặc vi phạm Luật này cũng không có giá trị.

Việc đăng ký doanh nghiệp không hợp lệ hoặc giải thể doanh nghiệp không miễn cho doanh nghiệp trách nhiệm thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp đó.

Điều 20 (Sửa đổi) Hiệu quả của việc đăng ký doanh nghiệp

Việc đăng ký doanh nghiệp dẫn đến :

1. Doanh nghiệp cổ phần hoặc công ty có tư cách pháp nhân riêng biệt từ nhà đầu tư, có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý trong phạm vi các mục đích kinh doanh và Điều lệ của công ty;

2. Doanh nghiệp có quyền tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã quy định trong giấy đăng ký doanh nghiệp và phải thực hiện theo các bước ,điều kiện,tiêu chuẩn hoặc quy định về kinh doanh đó một cách đầy đủ và nghiêm khắc không phân biệt hoạt động trong hoặc nằm ngoài danh mục được kiểm soát;

3. Nội dung trong hồ sơ đã đăng ký có công khai cho những người quan tâm có quyền xem theo quy định tại đoạn 1,Điều 24 của Luật này;

4. Đăng ký tên doanh nghiệp.

Sau khi đăng ký doanh nghiệp mọi doanh nghiệp phải đăng ký mã số thuế và áp dụng chế độ kế toán theo Luật liên quan.

Điều 21 (Mới) Làm con dấu doanh nghiệp

Doanh nghiệp có thể xin làm con dấu bằng cách đem giấy đăng ký kinh doanh trình cho cơ qua an ninh theo quy định.

Cơ quan an ninh phải cấp con dấu trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp trình giấy đăng ký doanh nghiệp để xin làm con dấu.

Điều 22: Hậu quả của việc không tiến hành kinh doanh

Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải bắt đầu hoạt động. Trường hợp doanh nghiệp không tiến hành hoạt động trong thời hạn nêu trên hoặc có hoạt động nhưng thường xuyên ngừng một cách không hợp lý và không đóng thuế đầy đủ 12 tháng, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh liên quan phải yêu cầu doanh nghiệp giải trình. Nếu trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu mà không giải trình hoặc giải trình không hợp lý, doanh nghiệp liên quan sẽ bị coi là đã ngừng hoạt động và bị giải thể theo những thủ tục quy định trong Luật này.

Điều 23: Thay đổi những nội dung đã đăng ký

Sau khi đã đăng ký, việc thay đổi những nội dung đăng ký như mục đích kinh doanh hoặc số vốn phải được báo cáo với cơ quan cấp đăng ký liên quan trong vòng 01 tháng kể từ ngày

những thay đổi được chấp thuận. Riêng những thay đổi liên quan tới hoạt động kinh doanh nằm trong Danh sách Âm sẽ được thực hiện phù hợp với đoạn 2 Điều 14 của Luật này.

Doanh nghiệp đăng ký sai nội dung hoạt động hoặc báo cáo những thay đổi muộn hơn quy định trong đoạn 1 của Điều 18 này, dù vô tình hay hữu ý, sẽ không được phép thực hiện những thay đổi không đúng này, cũng như không được miễn trách nhiệm thanh toán nợ đối với người ngoài.

Điều 24: Thông báo, công bố những nội dung đã đăng ký

Mọi cá nhân hoặc tổ chức đều có quyền được xem hoặc sao chép những tài liệu về đăng ký doanh nghiệp đã trình lên cơ quan cấp đăng ký. Những tài liệu này bao gồm tất cả các tài liệu mà doanh nghiệp trình để xin đăng ký như quy định trong Luật này. Cá nhân yêu cầu được sao chép tài liệu phải trả lệ phí theo quy định liên quan.

Những tài liệu khác, ngoài những tài liệu nêu trong đoạn 1 của Điều 19 này, chỉ được tiết lộ khi được phép của các doanh nghiệp liên quan, trừ khi luật pháp có quy định khác.

Điều 25: Vốn đăng ký

Vốn đăng ký của doanh nghiệp cá thể là vốn được chủ doanh nghiệp báo cáo với cơ quan đăng ký khi xin cấp đăng ký.

Vốn đăng ký của công ty cổ phần hoặc công ty là tổng giá trị cổ phần được quy định trong điểm 4 Điều 33 và điểm 4 Điều 81 của Luật này. Vốn đăng ký của công ty cổ phần hoặc công ty còn gọi là “vốn ban đầu”.

Cơ quan thuộc lĩnh vực liên quan có quyền quy định mức vốn đăng ký tối thiểu như một tiêu chí để đăng ký doanh nghiệp đối với một số hoạt động kinh doanh then chốt, nhưng phải được Chính phủ chấp thuận.

Vốn đăng ký phải chính xác. Nếu vốn đăng ký sai, người vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

CHƯƠNG III

TÊN DOANH NGHIỆP

Điều 26: Chọn tên doanh nghiệp

Doanh nghiệp có thể sử dụng tên hoặc họ của một hoặc một vài người trong số những người đầu tư liên doanh hoặc sử dụng một tên khác đã được đồng ý để làm tên của mình. Nếu có nhiều doanh nghiệp đăng ký trùng tên, thì doanh nghiệp nào đăng ký tên đầu tiên được quyền ưu tiên sử dụng tên đó. Tên của doanh nghiệp được viết với hình thức hoặc kiểu loại đặc thù của doanh nghiệp thì phải luôn luôn bao gồm tên của hình thức hoặc kiểu loại đó.

Quyền ưu tiên về tên đăng ký sẽ không có hiệu lực nếu việc đăng ký đó chưa được vào sổ đăng ký.

Sau khi đã đăng ký vào sổ, doanh nghiệp phải niêm yết thông báo biển hiệu tên doanh nghiệp.

Điều 27 (Sửa đổi) Những tên doanh nghiệp bị cấm

Những tên mà doanh nghiệp bị cấm sử dụng hoặc không thể đăng ký gồm :

1. Tên tối nghĩa, trùng hoặc giống với tên các doanh nghiệp khác trong cùng một tỉnh hoặc với tên đã nổi tiếng của doanh nghiệp khác;
2. Tên trái với đạo đức văn hoá dân tộc, trái với trật tự xã hội;
3. Tên giống với tên của một quốc gia, tổ chức quốc tế, di tích văn hoá, lịch sử tiêu biểu của quốc gia;
4. Tên trùng hoặc giống tên của hình thức hoặc loại hình doanh nghiệp.

Điều 28: (Sửa đổi) Cho phép người khác sử dụng tên hoặc giấy đăng ký doanh nghiệp

Cho phép người khác sử dụng tên doanh nghiệp phải làm bằng văn bản và thực hiện phù hợp với quy định pháp luật. .

Trường hợp cho phép sử dụng tên hoặc giấy đăng ký doanh nghiệp mà không có giấy ủy quyền bằng văn bản, nhưng có bằng chứng để tin rằng doanh nghiệp liên quan biết việc cho phép sử dụng tên hoặc giấy đăng ký doanh nghiệp của mình mà không phản đối gì, hoặc ủng hộ thì việc cho phép sử dụng tên hoặc giấy đăng ký doanh nghiệp này được coi có giá trị.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh không thể giao cho người khác hoặc pháp nhân khác sử dụng. Nếu vi phạm thì phải chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với người được trao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 29 (Sửa đổi) Trách nhiệm đối với việc cho phép người khác sử dụng tên doanh nghiệp

Người nào cho phép người khác sử dụng tên doanh nghiệp của mình phải chịu trách nhiệm đối với những người thứ ba như quy định trong hợp đồng thỏa thuận hoặc theo Luật này.

Người nào ủy nhiệm cho người thiếu năng sử dụng tên doanh nghiệp của mình thì phải chịu trách nhiệm về việc ủy nhiệm này.

Người nào cho phép những người bị luật pháp cấm, sử dụng tên doanh nghiệp của mình thì phải cùng chịu trách nhiệm đối với hành vi của những người hoặc pháp nhân bị luật pháp cấm này.

Cấm công ty quốc doanh cho người khác sử dụng tên doanh nghiệp của mình. Nếu vi phạm, phải chịu trách nhiệm đối với các bên ngoài.

Điều 30: Nhượng tên doanh nghiệp và những điều cấm trong nhượng tên doanh nghiệp

Doanh nghiệp có thể nhượng tên trong những trường hợp sau :

1. Chuyển nhượng đồng thời với tất cả các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kể cả các quyền và nghĩa vụ;

2. Doanh nghiệp giải thể theo đúng thủ tục.

Sau khi tiến hành chuyển nhượng đúng thủ tục như nêu trong điểm 1 Điều 25 này, doanh nghiệp nhượng lại tên phải thông báo cho các chủ nợ và con nợ biết trong vòng 60 ngày và cho cơ quan cấp đăng ký doanh nghiệp biết trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày chuyển nhượng.

Trong bất kỳ trường hợp nào, kể cả khi doanh nghiệp nhượng tên nắm độc quyền thị trường, việc nhượng tên doanh nghiệp không đúng thủ tục đều bị cấm. Nếu vi phạm, cả người chuyển nhượng lẫn người được chuyển nhượng đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật của Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

Cấm nhượng tên của công ty quốc doanh cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khác.

Điều 31: Bãi bỏ tên doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp sẽ bãi bỏ sử dụng khi doanh nghiệp bị giải thể. Chủ doanh nghiệp phải tháo dỡ mọi biển hiệu có ghi tên doanh nghiệp trong vòng 7 ngày kể từ ngày thông báo ngừng tên doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh của cá nhân hay pháp nhân sử dụng tên đã bị bãi bỏ hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp đã bị giải thể bị coi là hoạt động không có đăng ký kinh doanh.

Điều 32: Đơn xin đăng ký doanh nghiệp

Người nào muốn thành lập doanh nghiệp cá thể phải nộp đơn theo mẫu với những nội dung cơ bản sau :

1. Tên doanh nghiệp và ngành nghề kinh doanh;
2. Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ doanh nghiệp và người quản lý doanh nghiệp;
3. Địa điểm của doanh nghiệp;
4. Vốn đăng ký.

Điều 33: Quyền và nghĩa vụ của chủ doanh nghiệp

Chủ doanh nghiệp có các quyền và nghĩa vụ sau :

1. Quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoặc uỷ quyền cho người khác quản lý;
2. Tự quyết định việc sử dụng lợi nhuận và những vấn đề khác của doanh nghiệp;
3. Tuân thủ những quy định về tài chính, kế toán nêu trong Luật Kế toán, tài chính Doanh nghiệp;
4. Tuân thủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
5. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Điều 34: Giám đốc

Giám đốc doanh nghiệp cá thể có thể là chủ doanh nghiệp hoặc có thể thuê một hoặc nhiều người ngoài. Giám đốc làm thuê được nhận thù lao theo thỏa thuận với chủ doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp cá thể có nhiều giám đốc có thể cho phép một người trong số họ được quyền thay mặt công ty xem xét và ký các hợp đồng với bên ngoài. Người này được gọi là “Tổng giám đốc”. Hình thức này cũng được áp dụng với giám đốc của công ty hợp danh và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Giám đốc điều hành công việc trong phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ nêu trong hợp đồng thuê và dưới sự giám sát của chủ doanh nghiệp.

Điều 35 (Sửa đổi) Hợp đồng thuê giám đốc

Hợp đồng thuê giám đốc phải được làm thành văn bản như Luật Hợp đồng quy định. Hợp đồng phải gồm những nội dung chi tiết liên quan tới quyền, nghĩa vụ, tiền lương và trách nhiệm của các bên và thời hạn kết thúc hợp đồng.

Quan hệ giữa chủ doanh nghiệp, giám đốc làm thuê và bên ngoài dựa trên các luật liên quan.

Điều 36: Giải thể và thanh lý

Doanh nghiệp cá thể có thể giải thể trong các trường hợp sau :

1. Chủ doanh nghiệp quyết định giải thể;
2. Toà án ra quyết định giải thể;
3. Phá sản;
4. Chủ doanh nghiệp chết hoặc bị mất hoàn toàn khả năng nhưng không có người thừa kế.

Trường hợp chủ doanh nghiệp cá thể quyết định tự giải thể, chủ doanh nghiệp phải tự thanh lý hoặc chỉ định người khác đứng ra thanh lý. Nếu giải thể theo quyết định của toà án hoặc do phá sản, việc chỉ định người thanh lý sẽ do toà án quyết định.

PHẦN IV**DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN****CHƯƠNG I****NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN**

Điều 37: Cổ đông của công ty cổ phần

Người đầu tư vào doanh nghiệp cổ phần được gọi là “cổ đông”).

Cổ đông của doanh nghiệp cổ phần có thể là cá nhân hoặc pháp nhân.

Điều 38: Hợp đồng thành lập doanh nghiệp cổ phần

Hợp đồng thành lập doanh nghiệp cổ phần phải làm bằng văn bản và phù hợp với Luật Hợp đồng của Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

Hợp đồng phải bao gồm những nội dung chính sau :

1. Tên doanh nghiệp;
2. Mục đích kinh doanh;
3. Tên, địa chỉ của trụ sở chính và của tất cả các chi nhánh (nếu có chi nhánh);
4. Vốn khai báo hoặc giá trị cổ phần góp bằng tiền mặt, bằng hiện vật hoặc bằng sức lao động;
5. Tên, địa chỉ và quốc tịch của các thành viên;
6. Tên và chữ ký của các thành viên;

Vốn khai báo nêu trong đoạn 4 của Điều 33 này là vốn đăng ký của công ty cổ phần.

Điều 39: Tư cách pháp nhân của doanh nghiệp cổ phần

Tư cách pháp nhân của doanh nghiệp cổ phần gồm :

1. Tên và quốc tịch của công ty;
2. Địa chỉ các văn phòng kinh doanh chính, kể cả các văn phòng chi nhánh (nếu có);
3. Tài sản và vốn;
4. Điều lệ công ty;
5. Trách nhiệm pháp lý theo kiểu loại công ty cổ phần;
6. Khả năng pháp lý của công ty trong việc thực thi các quyền và nghĩa vụ của mình, và khi kiện hoặc bị kiện, có thể tiến hành theo các thủ tục pháp lý tương tự như một cá nhân thông thường.

Điều 40: Chi nhánh của doanh nghiệp cổ phần

Đối với doanh nghiệp cổ phần thành lập tại Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, việc lập chi nhánh không cần phải đăng ký và chi nhánh không có tư cách pháp nhân tách riêng với doanh nghiệp cổ phần.

Văn phòng chi nhánh được đặt tại một địa điểm rõ ràng và phải được doanh nghiệp thông báo với cơ quan đăng ký liên quan.

Doanh nghiệp cổ phần nước ngoài có ý định thành lập chi nhánh tại Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào phải đăng ký doanh nghiệp như quy định trong Luật này.

Doanh nghiệp cổ phần Lào mở chi nhánh ở nước ngoài thì áp dụng luật của nước sở tại liên quan.

Khi chi nhánh của một pháp nhân bị kiện thì pháp nhân đó là người bị kiện. Điều khoản này áp dụng cho pháp nhân nước ngoài có chi nhánh tại Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

Điều 41: Điều lệ của doanh nghiệp cổ phần

Điều lệ của doanh nghiệp cổ phần phải bao gồm những nội dung chính sau :

1. Các nội dung đã nêu trong các điểm từ 1 đến 5 Điều 38 của Luật này;
2. Tên, địa chỉ và quốc tịch của giám đốc. Trường hợp giám đốc không phải là cổ đông của công ty (giám đốc làm thuê), [điều lệ] có thể quy định những hạn chế đối với các quyền của giám đốc;
3. Phương thức phân chia cổ tức và trách nhiệm trong thua lỗ;
4. Phương thức và thời gian góp cổ phần;
5. Hệ thống quản lý;
6. Các hội nghị, họp hành và phương thức bỏ phiếu;
7. Phương thức giải quyết tranh chấp;

8. Giải thể và thanh lý.

Các nội dung nêu trong điểm 1 Điều 36 này phải được nêu trong đơn xin đăng ký doanh nghiệp. Ngoài ra, công ty cũng có thể ghi thêm trong đơn những nội dung khác.

Điều lệ của công ty cổ phần phải có chữ ký của giám đốc công ty.

Điều 42 (Sửa đổi) Thay đổi nội dung hợp đồng thành lập và Điều lệ

Thay đổi nội dung hợp đồng thành lập và Điều lệ của doanh nghiệp cổ phần phải được toàn bộ thành viên nhất trí, ngoại trừ có thoả thuận khác.

Nghị quyết của hội nghị về sửa đổi hợp đồng thành lập hoặc Điều lệ phải được đăng ký vào sổ tại cơ quan cấp đăng ký liên quan trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nghị quyết sửa đổi được thông qua.

CHƯƠNG II

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỔ THÔNG

A. Đăng ký doanh nghiệp và các quan hệ nội bộ của công ty cổ phần phổ thông

Điều 43: Nộp đơn xin đăng ký doanh nghiệp

Nộp đơn xin đăng ký doanh nghiệp của công ty cổ phần phổ thông phải bao gồm những hồ sơ sau :

1. Đơn xin đăng ký doanh nghiệp;
2. Hợp đồng thành lập công ty cổ phần có tên và chữ ký của tất cả các thành viên;
3. Tên, địa chỉ và quốc tịch của giám đốc công ty, nếu giám đốc không phải là cổ đông của công ty (giám đốc làm thuê);
4. Điều lệ của công ty;

Đơn xin đăng ký doanh nghiệp phải có chữ ký của giám đốc công ty.

Điều 44: Góp vốn

Vốn của công ty cổ phần là từ những đóng góp của các thành viên. Có thể góp vốn bằng tiền mặt, bằng hiện vật hoặc bằng sức lao động.

Vốn góp bằng hiện vật hoặc sức lao động phải được đánh giá quy ra tiền mặt. Không được ghi giá trị vốn đóng góp bằng công sức vào phiếu quyết toán thu chi của công ty cổ phần phổ thông.

Phương thức và thời hạn góp cổ phần nêu trong đoạn 1 của Điều này do tất cả các thành viên quyết định. Trước khi đăng ký, các thành viên phải góp đầy đủ cổ phần đã thoả thuận.

Ngoài phần vốn quy định trong đoạn 1 Điều này, các thành viên của công ty cổ phần phổ thông có thể góp tài sản cá nhân riêng cho các hoạt động kinh doanh của công ty theo thoả thuận.

Việc sử dụng vốn nêu trong đoạn 4 của Điều này, kể cả việc thanh toán nợ và chia lợi nhuận, phải được sự nhất trí tán thành của toàn bộ các thành viên.

Điều 45: Cổ phần

Các cổ phần của công ty cổ phần phổ thông không nhất thiết phải bằng nhau về giá trị hoặc quy mô.

Khi cổ phần đã được góp đủ như nêu trong đoạn 3 Điều 44 của Luật này, công ty cổ phần phổ thông phải phát hành trái phiếu cho tất cả các cổ đông theo đóng góp của họ.

Trái phiếu của công ty cổ phần phổ thông không thể chuyển nhượng.

Điều 46: Giám đốc

Mọi cổ đông của công ty cổ phần phổ thông đều có quyền trở thành Giám đốc hoặc bổ nhiệm một hoặc nhiều cổ đông làm Giám đốc.

Giám đốc là một bộ phận của công ty cổ phần phổ thông và các cổ đông khác. Giám đốc không có lương hoặc thưởng cho việc thực thi các nhiệm vụ của mình, trừ khi có thoả thuận khác.

Có thể bổ nhiệm Giám đốc công ty cổ phần phổ thông từ người ngoài công ty. Giám đốc được bổ nhiệm từ người ngoài công ty có thể có lương hoặc thưởng theo thoả thuận của các thành viên.

Điều 47: Bổ nhiệm hoặc cách chức Giám đốc

Việc bổ nhiệm hoặc cách chức Giám đốc phải được toàn bộ cổ đông nhất trí, trừ phi có thoả thuận khác. Mỗi cổ đông có quyền bỏ một phiếu.

Cổ đông được chọn để bầu làm Giám đốc hoặc bị cách chức Giám đốc không có quyền bỏ phiếu.

Điều 48: Quyền và nhiệm vụ của Giám đốc

Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau :

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm vì lợi ích của công ty một cách trung thành;
2. Thiệt hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ công ty;
3. Sử dụng những người ngoài công ty để giúp đỡ hoạt động điều hành và kinh doanh của công ty theo đúng trách nhiệm của giám đốc;

Trường hợp có nhiều Giám đốc, việc điều hành công ty cổ phần phổ thông phải dựa trên đa số phiếu hoặc có thể theo thoả thuận nêu trong Điều lệ. Mỗi phiếu của một cổ đông có giá trị ngang nhau.

Trường hợp chỉ có một giám đốc thì giám đốc có quyền tự điều hành quản lý công ty, trừ những hạn chế đã quy định về quyền hành của giám đốc.

Những hạn chế nêu trong đoạn 3 của Điều này không có hiệu lực với Giám đốc là người bên ngoài công ty nếu những hạn chế đó không được ghi trong đăng ký doanh nghiệp.

Điều 49: Quyền và nhiệm vụ của cổ đông

Cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau :

1. Được thông tin về toàn bộ tình hình kinh doanh của công ty vào mọi thời điểm;
2. Kiểm tra hoặc sao chụp sổ sách kế toán và những tài liệu khác của công ty;
3. Hưởng cổ tức và chịu những khoản lỗ như đã thoả thuận;
4. Chịu trách nhiệm vô hạn đối với những khoản nợ của công ty;
5. Được quyền phủ quyết và phản đối, nếu quyền này đã được thoả thuận, nhưng chi tiết và phương pháp thực hiện phải do Điều lệ quy định;
6. Nhận lại phần vốn đã góp và lợi nhuận như đã thoả thuận, khi công ty giải thể.

Điều 50: Kết nạp cổ đông mới và chuyển nhượng cổ phần

Công ty cổ phần phổ thông không có quyền kết nạp cổ đông mới và mọi cổ đông đều không thể chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ khi có thoả thuận khác.

Việc kết nạp cổ đông mới hoặc chuyển nhượng cổ phần, nếu được chấp thuận, phải được toàn bộ cổ đông nhất trí thông qua.

Có thể kết nạp cổ đông mới bằng cách chuyển nhượng cổ phần cho người ngoài công ty hoặc bằng cách cho phép người ngoài công ty mua những cổ phần mới phát hành.

Khi kết nạp cổ đông mới hoặc chuyển nhượng cổ phần, công ty cổ phần phổ thông phải

thông báo cho cơ quan cấp đăng ký liên quan biết, không muộn hơn 5 ngày làm việc, kể từ ngày kết nạp hoặc chuyển nhượng.

Công ty cổ phần phổ thông có thể giải thể, nếu chỉ một cổ đông rời bỏ qua việc chuyển nhượng cổ phần của mình, hoặc vì những lý do khác.

Trường hợp tên doanh nghiệp của công ty cổ phần phổ thông được tạo thành từ nhiều tên của các cổ đông, công ty có quyền xoá tên của cổ đông đã rời công ty khỏi tên công ty.

Điều 51: Những hành vi hoặc kinh doanh bị cấm đối với các cổ đông

Cấm cổ đông của công ty cổ phần phổ thông có các hoạt động quản lý hoặc kinh doanh cạnh tranh với công ty.

Các hoạt động quản lý hoặc kinh doanh được coi là cạnh tranh với công ty gồm:

1. Kinh doanh giống với những mục tiêu của công ty với danh nghĩa công ty;
2. Kinh doanh giống với những mục tiêu của công ty với danh nghĩa một người khác như nhà quản lý hoặc giám đốc của một doanh nghiệp khác;
3. Là cổ đông của một công ty cổ phần phổ thông hoặc công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn khác nhưng lại có trách nhiệm vô hạn;

Khi có bất kỳ vi phạm nào về những quy định nêu tại Điều này, công ty cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu bồi thường mọi thiệt hại do những hoạt động quản lý hoặc kinh doanh của cổ đông gây ra, hoặc có quyền tiến hành các thủ tục pháp lý để giải thể công ty.

Điều 52: Những ngoại lệ đối với điều cấm

Những điều cấm quy định tại Điều 51 của Luật này có thể có ngoại lệ nếu:

1. Tất cả mọi cổ đông đều nhất trí thông qua;
2. Không có phản đối đối với những hoạt động quản lý hoặc kinh doanh của cổ đông đã được thực hiện trước khi người này gia nhập công ty.

B. Các quan hệ bên ngoài của công ty cổ phần phổ thông

Điều 53: Trách nhiệm về nợ

Mỗi cổ đông của công ty cổ phần phổ thông đều có trách nhiệm đối với những khoản nợ của công ty. Khi công ty cổ phần phổ thông không có khả năng thanh toán các khoản nợ, chủ nợ có quyền yêu cầu từng cổ đông công ty trả.

Tất cả các cổ đông có thể thoả thuận về tỷ lệ của mỗi cổ đông đối với số nợ hoặc thua lỗ của công ty nhưng thoả thuận này không có hiệu lực với người ngoài.

Cổ đông của công ty cổ phần phổ thông thường phải chịu trách nhiệm về những khoản nợ của công ty khi :

1. Nợ nảy sinh từ việc thực thi nhiệm vụ của giám đốc điều hành hoặc của các cổ đông khác trong phạm vi Điều lệ công ty;
2. Nợ nảy sinh từ việc thực thi nhiệm vụ để đạt mục tiêu của công ty và việc thực thi này đã được tất cả các cổ đông thông qua.

Điều 54 Quyền hưởng lợi nhuận

Tất cả các cổ đông đều có quyền hưởng lợi nhuận của công ty thu được từ mối quan hệ với các đối tác bên ngoài công ty, bất kể lợi nhuận thu được với danh nghĩa công ty hay không.

Điều 55: Trách nhiệm của cổ đông công ty cổ phần khi gia nhập hoặc rời bỏ công ty

Cổ đông rời bỏ công ty cổ phần phổ thông phải chịu trách nhiệm về những khoản nợ của công ty đã có trước khi cổ đông rời công ty.

Những khoản nợ này sẽ kết thúc trong vòng 1 năm kể từ ngày cổ đông được chấp nhận rời bỏ công ty, trừ khi có thoả thuận khác quy định thời gian nợ dài hơn.

Cổ đông mới gia nhập phải chịu trách nhiệm với toàn bộ các khoản nợ của công ty, trừ khi

có thoả thuận khác nhưng thoả thuận này không có hiệu lực với người ngoài công ty.

C. Hợp nhất, sáp nhập công ty cổ phần phổ thông

Điều 56: Hợp nhất, sáp nhập công ty cổ phần phổ thông

Công ty cổ phần phổ thông có thể sáp nhập với một hoặc nhiều công ty cổ phần khác để mở rộng hoặc để trở thành một công ty cổ phần phổ thông mới.

Công ty cổ phần phổ thông chỉ có thể hợp nhất, sáp nhập với các điều kiện sau :

1. Có bỏ phiếu nhất trí của Đại hội cổ đông của công ty đã hợp nhất, trừ khi có thoả thuận khác. Quyết định về hợp nhất phải được đăng ký với cơ quan đăng ký trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định đó;
2. Phải thông báo cho các chủ nợ biết thông qua phương tiện thông tin đại chúng thích hợp, ít nhất 1 lần trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hợp nhất. Các chủ nợ không phản đối hoặc không trả lời trong vòng 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo về việc hợp nhất.
3. Đã đăng ký doanh nghiệp mới.

Điều 57: Phản đối hợp nhất, sáp nhập và hiệu lực của việc hợp nhất, sáp nhập

Công ty cổ phần phổ thông không thể hợp nhất, sáp nhập nếu bị chủ nợ phản đối, trừ khi các khoản nợ đối với chủ nợ đó đã được thanh toán xong.

Hợp nhất, sáp nhập công ty cổ phần phổ thông không phải là hành động giải thể doanh nghiệp, do vậy việc này không dẫn đến việc doanh nghiệp đã hợp nhất ngừng thực hiện các quyền và nghĩa vụ trước đây của mình.

D. Giải thể công ty cổ phần phổ thông

Điều 58: Lý do giải thể

Công ty cổ phần phổ thông có thể giải thể vì một trong ba lý do sau : theo thoả thuận của các cổ đông, theo phán quyết của toà án, hoặc theo quyết định của pháp luật.

Giải thể công ty cổ phần phổ thông, vì bất kỳ lý do nào, đều phải được đăng ký giải thể tạm thời với cơ quan đăng ký trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lý do giải thể.

Điều 59: Giải thể theo thoả thuận của cổ đông

Công ty cổ phần phổ thông có thể giải thể bất kỳ lúc nào với thoả thuận nhất trí của tất cả các cổ đông.

Điều 60: Giải thể theo phán quyết của toà án

Bất kỳ cổ đông nào cũng có thể đề nghị toà án xem xét giải thể công ty cổ phần phổ thông khi :

1. Công ty đang kinh doanh thua lỗ mà không thể vượt qua;
2. Trường hợp bất khả kháng khiến công ty không thể tiếp tục hoạt động;
3. Cổ đông bị lừa hoặc bị buộc trở thành cổ đông;
4. Có cổ đông nào đó đã vi phạm hoặc đang cố tình vi phạm hợp đồng thành lập công ty hoặc Điều lệ công ty, hoặc có sai sót dẫn tới thiệt hại nghiêm trọng cho công ty.

Cổ đông gây ra những vấn đề nêu trên không được yêu cầu toà giải thể công ty.

Các cổ đông có thể yêu cầu toà ra lệnh cổ đông gây ra những vấn đề nói trên phải bồi thường thiệt hại hoặc ngừng tư cách thành viên của cổ đông này thay vì ra lệnh giải thể công ty. Nếu cổ đông đó mất tư cách thành viên, công ty chia tài sản cho cổ

đông này với giá thị trường vào thời điểm tài sản được phân chia sau khi khấu trừ giá trị những thiệt hại mà cổ đông đó đã gây ra, trừ khi các cổ đông có thoả thuận khác

Điều 61: Giải thể theo pháp luật

Công ty cổ phần phổ thông có thể giải thể với một trong những cơ sở pháp lý sau:

1. Giải thể theo quy định của hợp đồng thành lập hoặc theo Điều lệ của công ty;
2. Công ty chỉ còn duy nhất một cổ đông;
3. Một cổ đông nào đó qua đời, phá sản hoặc mất năng lực hành vi, trừ khi có thoả thuận khác;
4. Giải thể theo quy định trong Chương II và III Phần Hai của Luật này.

Trường hợp có cổ đông qua đời khi công ty chưa giải thể thì người thừa kế của cổ đông đó có đầy đủ quyền về phân chia lợi nhuận hoặc tài sản của cổ đông quá cố.

Điều 62: Hiệu lực của giải thể tạm thời

Việc công ty cổ phần phổ thông giải thể tạm thời sẽ có những hiệu lực sau :

1. Quyền khiếu nại, đề nghị của các cổ đông tạm thời chấm dứt;
2. Trách nhiệm của cổ đông đối với những cổ phần chưa góp không ngừng lại;
3. Công ty tạm ngừng các thanh toán, và những khoản nợ chưa đến hạn của công ty nay được coi đã đến hạn;
4. Công ty không có quyền tiến hành hoạt động kinh doanh nhưng tư cách pháp nhân của công ty vẫn được duy trì cho tới khi công ty nhận được thông báo giải thể chính thức và rút vĩnh viễn giấy đăng ký doanh nghiệp, để công ty hoàn tất những công việc còn dở dang và tiến hành thanh lý.

E. Thanh lý công ty cổ phần phổ thông

Điều 63: Phương thức thanh lý

Các cổ đông có thể thoả thuận chọn phương thức phân chia hoặc thanh lý như Điều lệ công ty quy định hoặc theo thoả thuận giữa họ với nhau, trừ trường hợp giải thể do phá sản, theo quyết định của toà án hoặc do công ty chỉ còn một cổ đông.

Điều 64: Bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm thanh lý viên

Việc thanh lý công ty cổ phần phổ thông có thể do giám đốc công ty hoặc tất cả các cổ đông cùng thực hiện với tư cách thanh lý viên hoặc có thể bổ nhiệm một cổ đông hoặc một người ngoài công ty làm thanh lý viên. Việc bổ nhiệm này phải được các cổ đông bỏ phiếu nhất trí.

Trường hợp không bỏ phiếu nhất trí được như quy định trong phần trên của Điều 59 này, các cổ đông có thể yêu cầu toà án bổ nhiệm thanh lý viên.

Thanh lý viên được bổ nhiệm như quy định trong Điều 59 và Điều 60 của Luật này có thể bị bãi nhiệm cũng theo như cách thức được bổ nhiệm.

Điều 65: Toà án bổ nhiệm thanh lý viên

Trường hợp doanh nghiệp giải thể do phá sản, hoặc do công ty chỉ còn một cổ đông, thì toà án quyết định việc bổ nhiệm thanh lý viên.

Trường hợp giải thể do có một cổ đông qua đời, những người thừa kế của cổ đông quá cố đó có quyền trở thành thanh lý viên hoặc cùng trở thành thanh lý viên với các cổ đông khác. Trường hợp có nhiều người thừa kế thì cử một người trong số họ đứng ra đại diện làm thanh lý viên.

Điều 66: Bổ nhiệm thay thế thanh lý viên

Trường hợp thanh lý viên được bổ nhiệm không thể thực hiện nhiệm vụ vì những lý do như

: qua đời, mất khả năng, thì tất cả các cổ đông sẽ cùng thực hiện công việc của thanh lý viên cho tới khi bổ nhiệm được thanh lý viên mới.

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc hết nhiệm kỳ của thanh lý viên, công ty cổ phần phổ thông phải thông báo việc bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc hết nhiệm kỳ trên cho công chúng biết như quy định trong các Điều 59, 60 và 61 của Luật này.

Điều 67: Quyền và nhiệm vụ của thanh lý viên

Trong trường hợp công ty cổ phần phổ thông giải thể, thanh lý viên có các quyền và nhiệm vụ sau :

1. Thông báo bằng văn bản việc công ty giải thể cho các chủ nợ biết để họ đòi nợ hoặc thông báo cho công chúng biết thông qua phương tiện thông tin đại chúng thích hợp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày có lý do giải thể;
2. Tập hợp tất cả các tài sản và lập bản thống kê tài sản và giấy tờ, sổ sách tài chính, kế toán;
3. Tiếp tục hoàn tất thanh toán các công việc kinh doanh còn dở dang;
4. Được công ty trả tiền làm việc theo thỏa thuận;
5. Có các biện pháp cần thiết để bảo vệ tài sản, để thu hồi được tất cả các khoản nợ, và bán hoặc chuyển nhượng tài sản của công ty;
6. Nộp sổ sách tài chính, kế toán cho kiểm toán viên để kiểm soát viên xem xét, chấp nhận tính xác thực của những tài liệu này;
7. Báo cáo về những tài sản đã tập hợp được và kết quả công việc cho các chủ nợ liên quan, cho các cổ đông hoặc toà án trong trường hợp thanh lý viên do toà án bổ nhiệm;
8. Triệu tập cuộc họp các chủ nợ và cổ đông ít nhất 6 tháng một lần để thông qua hoặc ra quyết định cho những vấn đề quan trọng;
9. Thực hiện các nhiệm vụ mà cuộc họp cổ đông và các chủ nợ đã giao;
10. Hàng quý nộp báo cáo sổ sách tài chính cho cơ quan đăng ký;
11. Thanh toán cho các chủ nợ và phân chia tiền lời cho các cổ đông;
12. Làm nhiệm vụ điều đình hoặc tố tụng tại toà án với danh nghĩa của công ty;
13. Báo cáo với cổ đông hoặc toà án (trường hợp thanh lý viên do toà bổ nhiệm) nếu thấy tài sản của công ty, gồm cả của các cổ đông, không đủ để thanh toán nợ. Trường hợp công ty không thể trả hết nợ, thanh lý viên có thể đề nghị toà án ra phán quyết phá sản công ty.

Sau khi toà án ra quyết định doanh nghiệp phá sản như nêu trong điểm 13 nói trên, sẽ tiến hành thủ tục phá sản theo Luật Doanh nghiệp Phá sản. Trong trường hợp này, các quyền và nhiệm vụ của thanh lý viên sẽ kết thúc và tất cả nhiệm vụ thanh lý được chuyển sang cho uỷ ban tịch biên tài sản.

Điều 68: Nhiều thanh lý viên cùng thực hiện nhiệm vụ

Khi có nhiều thanh lý viên, công việc thanh lý sẽ được thực hiện trên cơ sở đa số phiếu trong đó mỗi người một phiếu, trừ trường hợp mỗi thanh lý viên được giao một nhiệm vụ khác nhau. Việc bổ nhiệm các thanh lý viên phải được thông báo với cơ quan đăng ký trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày bổ nhiệm.

Những quy định hạn chế đối với thanh lý viên không có hiệu lực đối với người ngoài.

Điều 69: Thứ tự ưu tiên trong việc trả nợ và phân chia tài sản

Việc thanh toán nợ và phân chia tài sản được tiến hành theo thứ tự ưu tiên như sau :

1. Lương cho người lao động;
2. Các khoản nợ của Nhà nước mà không nảy sinh từ hợp đồng giữa Nhà nước và cá nhân như quy định trong đoạn 4 của Luật Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
3. Các khoản nợ được bảo đảm;
4. Các khoản nợ không được bảo đảm;
5. Các khoản nợ của công ty đối với cổ đông được nêu trong đoạn 4 và 5 Điều 44 của Luật

này;

6. Phân chia lợi nhuận hoặc phần thua lỗ giữa các cổ đông;
7. Hoàn vốn đóng góp cho cổ đông nhưng vốn góp bằng sức lao động không được hoàn lại, trừ khi có hợp đồng giữa các cổ đông vào thời điểm góp vốn trong đó thoả thuận sẽ hoàn vốn đóng góp bằng sức lao động.

Điều 70: Nhiệm vụ của thanh lý viên sau thanh lý

Sau khi hoàn thành công việc thanh lý, thanh lý viên phải :

1. Chuẩn bị tổng kết và báo cáo sơ lược về phân chia tài sản, về thanh toán nợ và nhanh chóng nộp các báo cáo tổng kết này cho hội nghị các chủ nợ và cổ đông để thông qua;
2. Thông báo cho công chúng biết về kết quả phân chia tài sản và thanh toán nợ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong phân chia tài sản và thanh toán nợ;
3. Giao lại toàn bộ hồ sơ về thanh lý cho công ty liên quan và đăng ký vào sổ việc hoàn thành công việc thanh lý với cơ quan đăng ký của doanh nghiệp.

Điều 71: Trách nhiệm của thanh lý viên

Thanh lý viên phải chịu trách nhiệm về những hành vi của mình như sau :

1. Hành vi gây thiệt hại cho công ty hoặc người ngoài công ty một cách cố ý hoặc do sai sót nghiêm trọng khi thực thi nhiệm vụ. Sai sót nghiêm trọng là từ chối hành động hoặc vẫn hành động khi biết hành động đó là sai lầm hoặc khi đã biết rõ những hậu quả tai hại của hành động đó.
2. Cư xử với người được uỷ quyền và người ngoài như quy định trong luật liên quan.

Điều 72: Thông báo giải thể và rút vãng vĩnh viễn đăng ký doanh nghiệp

Thanh lý viên phải thông báo việc giải thể vĩnh viễn của công ty cổ phần phổ thông cho cơ quan đăng ký liên quan trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho công chúng biết như nêu trong điểm 2 Điều 65 Luật này.

Cơ quan đăng ký liên quan phải xoá tên doanh nghiệp khỏi sổ đăng ký doanh nghiệp như nêu trong đoạn 1 nói trên và thông báo việc xoá tên này cho công chúng biết trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày xoá tên doanh nghiệp.

Tư cách pháp nhân của công ty cổ phần phổ thông sẽ chấm dứt kể từ ngày toà án ra quyết định giải thể chính thức.

Giải thể do phá sản hoặc hợp nhất, sáp nhập thì không cần phải đăng ký.

Điều 73: Trách nhiệm của các cổ đông công ty cổ phần phổ thông

Tất cả các cổ đông phải cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ của công ty cổ phần phổ thông trong thời gian 3 năm kể từ ngày toà án ra quyết định chính thức giải thể công ty.

Trong trường hợp công ty giải thể theo quyết định của toà án như nêu trong đoạn 1 nói trên, toà án có quyền bổ nhiệm thanh lý viên để thực hiện việc thanh lý cho tới khi các khoản nợ được thanh toán hết.

CHƯƠNG III

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

A. Những nguyên tắc chung và đăng ký doanh nghiệp

Điều 74: Trách nhiệm về các khoản nợ của các cổ đông

Cổ đông chung chịu trách nhiệm vô hạn về những khoản nợ của công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn.

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn chịu trách nhiệm về những khoản nợ của công ty cổ phần

trách nhiệm hữu hạn không vượt quá phần góp vốn của họ.

Trong thời gian thành lập khi công ty chưa đăng ký doanh nghiệp, tất cả các cổ đông của công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn đều phải chịu trách nhiệm vô hạn về những khoản nợ của công ty.

Điều 75: Thủ tục đăng ký doanh nghiệp

Thủ tục đăng ký doanh nghiệp của công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn như quy định tại Điều 38 của Luật này.

B. Quan hệ của cổ đông trách nhiệm hữu hạn với công ty và người ngoài công ty

Điều 76: Góp vốn

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn có thể góp vốn vào công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn bằng tiền mặt hoặc hiện vật; nhưng không được phép góp vốn bằng sức lao động. Các cổ phần của công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn không nhất thiết phải có giá trị bằng nhau.

Phương thức và thời gian góp vốn thực hiện theo quyết định của tất cả các cổ đông trong công ty.

Điều 77: Chuyển nhượng cổ phần

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn có thể chuyển nhượng cổ phần của mình mà không cần phải được sự đồng ý của các cổ đông khác. Việc chuyển nhượng các cổ phần có thể có hiệu lực với người ngoài công ty nếu được thông báo và đăng ký với cơ quan đăng ký.

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn có thể giải quyết các vấn đề về cổ phần theo những quy định sau :

1. Đối với cổ đông qua đời, những người thừa kế của cổ đông quá cố có quyền thay thế cổ đông đó, trừ trường hợp có thoả thuận khác;
2. Đối với cổ đông bị phá sản, cổ phần của cổ đông này sẽ được bán và giao cho uỷ ban thanh lý như Luật Phá sản Doanh nghiệp quy định. Việc bán cổ phần của cổ đông phá sản dẫn tới việc xoá bỏ tư cách thành viên của cổ đông đó; tuy nhiên, công ty vẫn tồn tại để tiếp tục các hoạt động của mình;
3. Đối với cổ đông mất khả năng, người bảo vệ quyền lợi của cổ đông này sẽ chịu trách nhiệm quản lý các quyền lợi của cổ đông đó, trừ khi trước đó có thoả thuận khác.

Điều 78: Trách nhiệm của cổ đông trách nhiệm hữu hạn trong quản lý công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn không có quyền làm giám đốc điều hành như cổ đông chung, trừ khi được cổ đông chung bổ nhiệm.

Trường hợp cổ đông trách nhiệm hữu hạn làm việc như giám đốc điều hành mà không được bổ nhiệm thì có thể có những hậu quả sau :

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về thiệt hại mà hành vi của cổ đông đó đã gây cho doanh nghiệp và người ngoài;
2. Trường hợp hành vi đó đã được công ty ủng hộ, tán thành hoặc giao thực hiện, hoặc công ty biết nhưng không phản đối để ngăn chặn, thì công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về những thiệt hại cho những người bên ngoài.

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn can thiệp vào công việc quản lý công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn như nêu trong điểm 2 này sẽ chỉ phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với người bên ngoài, nhưng trách nhiệm hữu hạn của cổ đông đó đối với công ty vẫn giữ nguyên không đổi.

Điều 79: Hiệu lực của việc cho phép sử dụng tên

Tên doanh nghiệp của công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn có thể bao gồm nhiều tên hoặc

họ của các cổ đông chung.

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn cho phép công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn sử dụng tên của mình vô tình hay hữu ý sẽ phải chịu trách nhiệm về những khoản nợ của công ty đối với người ngoài, nhưng trách nhiệm hữu hạn của cổ đông đó đối với công ty vẫn không thay đổi.

Điều 80: Cổ tức hoặc lợi nhuận

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn có quyền hưởng cổ tức hoặc lợi nhuận theo số phần hoặc tổng số tiền đã thoả thuận, tùy theo lợi nhuận mà công ty thu được, trừ khi công ty bị thua lỗ hoặc vốn bị giảm đi do thua lỗ dồn lại.

Phải phân chia cổ tức hoặc lợi nhuận vào mỗi cuối năm như Luật Kế toán Doanh nghiệp quy định.

Cổ đông không phải hoàn lại cổ tức hoặc lợi nhuận đã được công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn chia đúng.

Điều 81: Quyền và nhiệm vụ của cổ đông trách nhiệm hữu hạn

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn có các quyền và nhiệm vụ sau :

1. Hướng dẫn, tư vấn và giúp giám đốc hiểu rõ liên quan tới các hoạt động của công ty;
2. Làm thanh lý viên nếu được bổ nhiệm;
3. Bầu bổ nhiệm hoặc cách chức giám đốc, trừ khi có thoả thuận khác;
4. Bỏ phiếu về sửa đổi Điều lệ hoặc giải thể công ty. Phương thức bỏ phiếu phải được quy định rõ ràng trong Điều lệ của công ty;
5. Được tự do tiến hành các hoạt động kinh doanh hợp pháp, dù hoạt động kinh doanh đó giống hoặc cùng loại với hoạt động của công ty.

Cổ đông thực hiện các quyền và nhiệm vụ nêu trong các điểm từ 1 đến 5 của Điều này không bị coi là can thiệp vào công việc quản lý của công ty như quy định trong Điều 78 của Luật này.

Điều 82: Áp dụng các điều khoản của công ty cổ phần phổ thông

Ngoài những điều khoản nêu trong Chương III Phần IV, những điều khoản áp dụng đối với công ty cổ phần phổ thông về đăng ký doanh nghiệp, về quan hệ nội bộ và với bên ngoài, về việc hợp nhất, giải thể và thanh lý doanh nghiệp được nêu trong Chương II Phần IV của Luật này cũng được áp dụng cho công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn.

PHẦN V

CÔNG TY

CHƯƠNG I

NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG VỀ CÔNG TY

Điều 83: Cổ đông của công ty

Người góp vốn vào công ty được gọi là “cổ đông” (người nắm giữ cổ phần).

Cổ đông chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty không vượt quá giá trị cổ phần của họ.

Công ty có thể có một hoặc nhiều cổ đông.

Cổ đông hoặc người sáng lập công ty có thể là một cá nhân hoặc pháp nhân.

Điều 84: Tư cách pháp nhân và chi nhánh của công ty

Tư cách pháp nhân và chi nhánh của công ty giống với tư cách pháp nhân và chi nhánh của công ty cổ phần đã được quy định tại các Điều 39 và 40 của Luật này.

Điều 85: Công ty mẹ

Công ty mua các cổ phần của công ty khác đủ để kiểm soát quyền quản lý của công ty đó

gọi là “công ty mẹ”.

Công ty do một công ty khác kiểm soát quyền quản lý gọi là “công ty con”.

Mức độ quyền quản lý kiểm soát bị cấm dựa trên các luật pháp và quy định liên quan.

Điều 86: (Sửa đổi) Hợp đồng thành lập của công ty

Hợp đồng thành lập của công ty phải được làm thành văn bản và phù hợp với Luật Hợp đồng và ngoài Hợp đồng của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

Hợp đồng này phải có những nội dung chính sau :

1. Tên doanh nghiệp;
2. Mục đích kinh doanh;
3. Tên và địa chỉ của trụ sở chính và chi nhánh, nếu có;
4. Vốn ban đầu được tính thành tiền, tổng giá trị cổ phần, hiện vật, tiền mặt, cổ phần chung hoặc cổ phần ưu đãi;
5. Tên, địa chỉ và quốc tịch của những người sáng lập công ty, kể cả tổng giá trị cổ phần của từng người sáng lập;
6. Văn bản quy định về việc giám đốc phải chịu trách nhiệm vô hạn về những khoản nợ của công ty. Trách nhiệm vô hạn về nợ của giám đốc được quy định trong đoạn này sẽ chấm dứt một năm sau khi người này thôi giữ chức giám đốc;
7. Tên và chữ ký của những người sáng lập.
Vốn ban đầu nêu trong điểm 4 của điều này là vốn đăng ký của công ty.
Công ty có một cổ đông không cần phải có hợp đồng thành lập công ty.

Điều 87: Điều lệ công ty

Điều lệ công ty phải có những nội dung chính sau :

1. Các nội dung nêu trong các điểm 1 đến 6 của Điều 81 Luật này;
2. Phương thức phân chia lợi nhuận hoặc cổ tức;
3. Phương thức và thời hạn góp vốn;
4. Cơ cấu quản lý;
5. Đại hội cổ đông và các nghị quyết;
6. Giải quyết tranh chấp;
7. Giải thể và thanh lý.

Nội dung nêu trong điểm 1 của Điều 82 này cũng được ghi trong đơn xin đăng ký doanh nghiệp. Ngoài ra, công ty có thể đưa thêm các nội dung khác vào đơn.

Điều 88: Thay đổi hợp đồng thành lập và Điều lệ công ty

Việc thay đổi Hợp đồng thành lập và Điều lệ công ty phải được tiến hành thông qua bỏ phiếu của Đại hội cổ đông như được quy định tại Điều 144 của Luật này.

Nghị quyết của Đại hội cổ đông về sửa đổi và bổ sung hợp đồng thành lập hoặc Điều lệ công ty phải được đăng ký với cơ quan đăng ký liên quan trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ra Nghị quyết.

CHƯƠNG II

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

A. Những nguyên tắc chung và việc thành lập công ty

Điều 89: Nắm giữ cổ phần của công ty trách nhiệm hữu hạn

Công ty trách nhiệm hữu hạn có thể là cổ đông của nhiều công ty khác hoặc là một thành viên trong công ty cổ phần, nhưng không được lấy vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn để góp vào các công ty khác.

Điều 90: Số lượng cổ đông nhiều hoặc ít hơn quy định

Công ty trách nhiệm hữu hạn có số cổ đông nhiều hơn 30 người có thể tiếp tục duy trì tư

cách công ty trách nhiệm hữu hạn, nhưng phải được bỏ phiếu nhất trí như quy định tại Điều 149 của Luật này.

Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn không đáp ứng quy chế của công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc không có đủ số phiếu bầu nhất trí duy trì quy chế như nêu trong đoạn 1 Điều này thì công ty phải thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho phù hợp với thủ tục thành lập và các nguyên tắc của công ty hợp danh hoặc phải giải thể.

Công ty trách nhiệm hữu hạn với duy nhất một cổ đông phải đổi tên thành “Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên” và hoạt động theo những quy định tại Mục J, Chương II Phần V của Luật này hoặc phải giải thể.

Điều 91: Thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn

Thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn phải tuân thủ các bước và điều kiện dưới đây :

1. Phải có ít nhất hai người sáng lập cùng tham gia và ký hợp đồng thành lập công ty và thông báo hợp đồng này với cơ quan đăng ký nơi công ty đặt trụ sở;
2. Sau khi thông báo hợp đồng thành lập như nêu trong điểm 1 Điều này, các bên phải góp vốn đầy đủ. Cấm đăng ký góp vốn bằng việc bán công khai cổ phần cho công chúng. Người đăng ký vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn được gọi là “cổ đông” (người góp cổ phần).
3. Tổ chức đại hội thành lập công ty
4. Người sáng lập chuyển giao mọi trách nhiệm điều hành hoạt động công ty cho giám đốc đã được bầu tại đại hội thành lập;
5. Giám đốc công ty đốc thúc những người sáng lập và các cổ đông đóng góp đầy đủ cổ phần như quy định trong đoạn 1 Điều 101 Luật này;
6. Sau khi vốn đăng ký đã được góp đủ như nêu trong điểm 5 Điều này, giám đốc phải đăng ký công ty trong vòng 30 ngày kể từ ngày vốn đã góp đủ.

Điều 92 : Người sáng lập công ty trách nhiệm hữu hạn

Người sáng lập công ty trách nhiệm hữu hạn là người đầu tiên thành lập công ty, không phải là người quản lý hoạt động của công ty và phải nắm giữ ít nhất một cổ phần.

Nhiệm vụ chính của người sáng lập là thu xếp mọi công việc để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn cho tới khi tiến hành Đại hội thành lập công ty.

Điều 93: Trách nhiệm của người sáng lập đối với cổ đông

Người sáng lập phải chịu trách nhiệm với các cổ đông về những hành vi sau :

1. Hoạt động kinh doanh vì lợi ích của riêng bản thân;
2. Giấu thu nhập hoặc những chi phí liên quan tới việc thành lập công ty;
3. Chi tiêu hoặc ký hợp đồng nằm ngoài phạm vi những mục tiêu để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn;
4. Khai “vong” tài sản của bản thân;
5. Các trách nhiệm khác nêu trong Luật này.

Người sáng lập phải đền bù hoặc giải quyết hậu quả các thiệt hại do những hành vi nêu trên gây ra.

Điều 94: Trách nhiệm của người sáng lập với người ngoài

Những người sáng lập công ty trách nhiệm hữu hạn cùng chịu trách nhiệm vô hạn với người ngoài về các hợp đồng mà họ đã ký trong quá trình thành lập công ty hoặc về những chi phí liên quan tới việc thành lập công ty, nếu những hợp đồng hoặc chi phí đó không được Đại hội thành lập công ty thông qua, hoặc được thông qua nhưng công ty không đăng ký doanh nghiệp được.

Điều 95: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn

Đại hội thành lập công ty có các quyền và nhiệm vụ sau :

1. Thông qua Điều lệ công ty;

2. Thông qua hợp đồng thành lập công ty và những hợp đồng khác liên quan tới việc thành lập công ty mà những người sáng lập đã ký với người ngoài, kể cả những chi phí để lập công ty của những người sáng lập;

3. Thống nhất về những cổ phần chung và cổ phần ưu đãi, nếu có;

4. Bầu các giám đốc đầu tiên của công ty.

Trong vòng 10 ngày làm việc trước ngày tiến hành Đại hội thành lập, những người sáng lập phải gửi cho tất cả các cổ đông báo cáo về quá trình thành lập công ty cùng danh sách các cổ đông, địa chỉ của họ và số lượng cổ phần của từng cổ đông.

Điều 96: Nghị quyết của Đại hội thành lập công ty

Nghị quyết của Đại hội thành lập công ty chỉ có hiệu lực khi có số phiếu bầu của hơn một nửa số người sáng lập và cổ đông đại diện cho không ít hơn nửa tổng số cổ phần. Nghị quyết phải được thông qua bằng bỏ phiếu, với mỗi cổ phần tương đương một phiếu.

Người sáng lập hoặc cổ đông không có quyền bỏ phiếu đối với những vấn đề mà người đó có quyền lợi đặc biệt, trừ bỏ phiếu bầu giám đốc.

Đại hội thành lập phải quyết định những vấn đề mà một người sáng lập hoặc cổ đông có lợi ích đặc biệt hoặc có lợi ích liên quan trực tiếp.

Điều 97: Thủ tục đăng ký doanh nghiệp

Hồ sơ làm thủ tục đăng ký của công ty trách nhiệm hữu hạn gồm :

1. Đơn đề nghị và hợp đồng thành lập công ty;
2. Báo cáo Đại hội thành lập công ty;
3. Điều lệ.

Đơn đề nghị xin đăng ký phải do giám đốc công ty ký.

Điều 98: Trách nhiệm của giám đốc đối với việc huỷ bỏ đăng ký

Cơ quan đăng ký sẽ huỷ bỏ đăng ký nếu thời hạn quy định tại điểm 6 Điều 91 của Luật này không được tuân thủ, trừ trường hợp việc huỷ đăng ký là do sai sót mà lỗi không thuộc về giám đốc hoặc nếu các cổ đông đã bỏ để phiếu tiếp tục đăng ký với số phiếu của cổ đông nắm giữ hơn 4/5 vốn.

Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn bị huỷ bỏ đăng ký, giám đốc phải hoàn lại tất cả số vốn cho những người đã góp trong vòng 3 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký huỷ bỏ đăng ký.

Nếu sau 3 tháng mà giám đốc vẫn chưa hoàn trả đầy đủ vốn cho những người đã góp thì phải trả số vốn còn lại cộng với lãi suất quy định của ngân hàng vào thời điểm đó, trừ khi giám đốc chứng minh được là đăng ký đã không bị huỷ và như vậy không phải hoàn trả vốn.

B. Cổ phần và trái phiếu của công ty trách nhiệm hữu hạn

Điều 99: Cổ phần

Một cổ phần của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị không được dưới 2.000 kíp.

Mỗi cổ phần có thể do một hoặc nhiều người sở hữu, được giao cho một người nắm giữ với tư cách cổ đông của công ty nhưng tất cả phải cùng liên đới chịu trách nhiệm với công ty về phần vốn chưa góp.

Vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có thể được góp bằng tiền mặt hoặc hiện vật. Vốn góp bằng hiện vật phải được đánh giá ra thành tiền mặt bởi 2/3 số phiếu của những người sáng lập và cổ đông tại phiên Đại hội thành lập, trừ khi có quy định khác. Việc góp vốn bằng các hình thức khác ngoài hiện vật và tiền mặt phải được Đại hội thành lập công ty nhất trí thông qua.

Công ty trách nhiệm hữu hạn có thể có hai loại cổ phần : cổ phần chung và cổ phần ưu đãi.

Điều 100: Giá trị của cổ phần và phát hành cổ phần thấp hơn hoặc cao hơn giá trị ban đầu

Giá trị của cổ phần trong công ty trách nhiệm hữu hạn được xác định trong Hợp đồng thành lập công ty. Giá trị cổ phần như vậy được gọi là “giá trị ban đầu”.

Công ty trách nhiệm hữu hạn không có quyền phát hành cổ phần thấp hơn giá trị được quy định trong đoạn 1 nói trên, trừ trường hợp công ty giảm số vốn như quy định tại Điều 117 của Luật này. Quy định hạn chế nêu trong phần này không áp dụng với giá mua và bán cổ phần của các cổ đông.

Công ty chỉ có thể tăng giá trị cổ phần phù hợp với Điều 115 của Luật này.

Điều 101: Góp vốn trước khi đăng ký doanh nghiệp

Góp vốn trước khi đăng ký doanh nghiệp là vốn được yêu cầu góp sau Đại hội thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn như quy định tại điểm 5 Điều 91 của Luật này. Trong trường hợp này, người góp vốn phải góp đầy đủ nếu góp bằng hiện vật và ít nhất 70% vốn nếu góp bằng tiền mặt.

Sau khi đăng ký doanh nghiệp, giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn có thể bất kỳ lúc nào yêu cầu góp nốt phần còn lại, trừ khi Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 102: Góp vốn sau khi đăng ký doanh nghiệp

Đối với góp vốn nêu trong phần 2 Điều 102 của Luật này, giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn sẽ đề nghị mỗi cổ đông đóng theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông đã đăng ký. Đề nghị phải được thông báo bằng văn bản về thời hạn và tổng số tiền cần đóng góp trong vòng 30 ngày.

Việc góp vốn nêu trên hoặc trong những trường hợp khác như công ty tăng vốn như nêu tại Điều 115 của Luật này, phải được góp bằng tiền mặt và không được góp vốn theo kiểu gán nợ với công ty trách nhiệm hữu hạn, trừ khi việc góp vốn theo kiểu này được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua bằng bỏ phiếu.

Điều 103 : Hiệu quả của việc không góp vốn

Cổ đông nào không góp đủ số vốn đến hạn phải góp theo đề nghị lần thứ nhất của giám đốc sẽ phải trả lãi suất cho phần vốn chưa góp đủ theo lãi suất của ngân hàng vào thời điểm phải góp vốn, tính từ ngày nhận được thông báo đề nghị góp vốn của giám đốc và cổ đông đó sẽ bỏ phiếu tại đại hội cổ đông tương ứng với tổng số tiền vốn đã góp.

Cổ đông nào không đóng đủ cả tiền vốn và lãi suất còn nợ cho lần thông báo đề nghị thứ hai, giám đốc có quyền bán những cổ phần này cho những người được ưu tiên nêu trong đoạn 1 đến 4 Điều 116 của Luật này, nhằm trả đủ cả tiền vốn và lãi suất cho công ty trách nhiệm hữu hạn. Nếu sau khi thanh toán xong mà còn dư tiền thì hoàn trả lại cho cổ đông liên quan.

Trường hợp tổng số tiền cổ phần bán ra nêu trong phần 2 Điều này của Luật này vẫn không đủ, giám đốc có quyền đề nghị cổ đông liên quan thanh toán nốt. Nếu không, công ty có thể từ chối đăng ký chuyển nhượng cổ phần hoặc ngừng quyền bỏ phiếu của cổ đông liên quan tại Đại hội cổ đông.

Điều 104 : Quyền và trách nhiệm của cổ đông thường

Người sở hữu cổ phần thường (phổ thông) được gọi là “cổ đông thường (phổ thông)”. Cổ đông thường có các quyền và trách nhiệm sau đây :

1. Nêu ý kiến, quan điểm về hoạt động của công ty;
2. Tham gia các hoạt động của công ty;
3. Góp vốn;
4. Bảo vệ các lợi ích của mình;
5. Được thông tin và kiểm tra các hồ sơ như quy định trong Điều lệ công ty;
6. KIỆN ra toà các giám đốc, viên chức và nhân viên của công ty đã gây thiệt hại cho lợi ích

của mình;

7. Chịu trách nhiệm đối với phần vốn chưa góp của mình;

8. Được quyền ưu tiên so với người ngoài khi các cổ đông công ty chuyển nhượng hoặc bán cổ phần;

9. Bầu hoặc bãi miễn giám đốc công ty;

10. Nhận số tiền dư ra sau thanh lý, trường hợp công ty giải thể;

11. Hưởng cổ tức theo tỷ lệ cổ phần đã góp;

12. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác đã được nêu trong Điều lệ.

Chỉ được chia cổ tức và tiền như nêu trong đoạn 10 và 11 của Điều này sau khi đã thanh toán xong với các cổ đông ưu đãi và các chủ nợ của công ty.

Điều 105 (Sửa đổi) Quyền và nhiệm vụ của cổ đông ưu đãi

Người sở hữu cổ phần ưu đãi được gọi là “cổ đông ưu đãi”. Cổ đông ưu đãi có quyền và nhiệm vụ sau :

1. Các quyền và nhiệm vụ nêu trong đoạn từ 1 đến 6 của Điều 104 Luật này;

2. Quyền ưu tiên nhận chia tài sản và cổ tức trước các cổ đông thường. Cổ tức nhận được có thể là một khoản cố định hoặc theo tỷ lệ phần trăm cổ phần đã được các cổ đông thoả thuận;

3. Các quyền ưu đãi khác. Mọi điều chỉnh hoặc sửa đổi về quyền ưu đãi phải được ghi trong Điều lệ của công ty;

4. Có thể rút cổ phần đã góp nếu công ty trách nhiệm hữu hạn đang trong tình trạng hoạt động có lãi, hoặc có thể bán cổ phần của mình cho người khác nếu công ty trách nhiệm hữu hạn từ chối mua, trừ khi có thoả thuận khác.

Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn đồng ý mua cổ phần như nêu trong đoạn 4 của Điều này, giá mua là giá ban đầu hoặc giá thoả thuận.

Các cổ đông ưu đãi không có quyền bầu giám đốc công ty.

Điều 106 : Phát hành trái phiếu của công ty trách nhiệm hữu hạn

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày công ty đã đăng ký, Giám đốc công ty phải phát hành các trái phiếu cho cổ đông. Mỗi trái phiếu đều phải có chữ ký của Giám đốc và dấu của công ty.

Mỗi trái phiếu phải có mệnh giá ít nhất bằng giá trị của một cổ phần.

Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai loại trái phiếu : trái phiếu ghi danh và trái phiếu có chứng nhận sở hữu.

Điều 107 : Trái phiếu ghi danh

Trái phiếu ghi danh phải có những nội dung chính sau :

1. Số đối chiếu của trái phiếu;

2. Tên công ty trách nhiệm hữu hạn;

3. Tên người nắm giữ trái phiếu;

4. Tổng giá trị cổ phần của người nắm giữ trái phiếu;

5. Giá trị một cổ phần;

6. Giá trị cổ phần chưa đóng góp và thời hạn phải trả, nếu thời hạn này đã được xác định;

7. Chữ ký và dấu của Giám đốc công ty.

Trái phiếu ghi danh có thể được phát hành cho những cổ phần chưa được thanh toán. Trái phiếu ghi danh có thể được quy thành trái phiếu có chứng nhận sở hữu với điều kiện người nắm giữ trái phiếu đã thanh toán đầy đủ vốn góp và đã đăng ký huỷ bỏ trái phiếu ghi danh.

Trường hợp Điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn quy định Giám đốc phải nắm giữ một số lượng cổ phần nhất định trong công ty thì giám đốc chỉ được nắm giữ những trái phiếu ghi danh.

Điều 108 : Trái phiếu vô danh

Trái phiếu vô danh là trái phiếu có thể chuyển nhượng, chỉ có thể phát hành với những điều kiện sau :

1. Đã được góp vốn đầy đủ;
2. Có quy định ghi trong Điều lệ theo đó công ty trách nhiệm hữu hạn có quyền phát hành loại trái phiếu này.

Nội dung của trái phiếu vô danh giống với trái phiếu ghi danh, trừ những nội dung về tên người nắm giữ và giá trị cổ phần chưa đóng góp.

Trái phiếu vô danh có thể quy thành trái phiếu ghi danh bằng cách huỷ trái phiếu này đi và phát hành trái phiếu ghi danh để thay thế.

Điều 109: Chuyển nhượng cổ phần

Việc chuyển nhượng cổ phần có chứng nhận sở hữu của công ty trách nhiệm hữu hạn có thể thực hiện bằng cách trao trái phiếu cho người khác.

Chỉ có thể chuyển nhượng trái phiếu ghi danh khi :

1. Phù hợp với những quy định về hạn chế đối với chuyển nhượng cổ phần được quy định trong Điều lệ công ty;
2. Không trái với những quy định cấm chuyển nhượng cổ phần của luật pháp;
3. Chuyển nhượng theo pháp luật;
4. Chuyển nhượng phải được thực hiện bằng văn bản trong đó có ghi số đối chiếu của trái phiếu được chuyển nhượng, tên và chữ ký của người chuyển nhượng và người được chuyển nhượng theo thứ tự tên và chữ ký của người chuyển nhượng rồi đến xác nhận của người được chuyển nhượng với mỗi bên ít nhất một người;
5. Chuyển nhượng phải được đăng ký. Nếu có ý định chuyển nhượng cổ phần cho người ngoài, phải chào bán cho các cổ đông trong công ty trước, sau đó tiến hành đăng ký chuyển nhượng cùng với tên và địa chỉ của người được chuyển nhượng.

Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn có thể bác bỏ việc đăng ký chuyển nhượng của cổ phần ghi danh nếu cổ phần đó chưa được góp vốn đầy đủ.

Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn đã đăng ký chuyển nhượng cổ phần như nêu trong đoạn 3 nói trên, người chuyển nhượng có trách nhiệm thanh toán với chủ nợ đối với phần cổ phần đã chuyển nhượng nhưng chưa được thanh toán.

Điều 110 : Chuyển nhượng cổ phần theo pháp luật

Chuyển nhượng cổ phần theo pháp luật là chuyển nhượng cổ phần như nêu trong đoạn 2 Điều 103 và đoạn 3 Điều 113 của Luật này hoặc do một cổ đông qua đời, phá sản hoặc những hoàn cảnh đặc biệt khác.

Người được chuyển nhượng cổ phần theo pháp luật phải xuất trình đầy đủ bằng chứng có giá trị liên quan tới việc sở hữu những cổ phần được chuyển nhượng cùng với các trái phiếu để công ty trách nhiệm hữu hạn liên quan phát hành trái phiếu mới và tiến hành đăng ký cổ đông mới .

Điều 111 : Những quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần theo pháp luật

Chuyển nhượng cổ phần theo pháp luật phải tuân thủ những quy định hạn chế sau

- :
1. Hạn chế nêu trong đoạn 3 Điều 103 của Luật này.
 2. Hạn chế về chuyển nhượng cổ phần theo những luật khác như : hạn chế nắm cổ phần đối với người nước ngoài, người cư trú thường xuyên hoặc người không có quốc tịch trong một số loại hình kinh doanh đặc biệt;
 3. Chuyển nhượng cổ phần trong khi công ty trách nhiệm hữu hạn đang bị tịch biên tài sản;
 4. Chuyển nhượng cổ phần khi đã khoá sổ đăng ký cổ đông, trừ phi được các cổ đông đồng ý hoặc có quy định khác trong Điều lệ của công ty.

Điều 112 : Sổ đăng ký cổ đông

Sổ đăng ký cổ đông gồm những nội dung chính sau :

1. Họ tên, địa chỉ và quốc tịch của cổ đông.
 2. Số cổ phần, giá trị cổ phần, số đối chiếu của các trái phiếu sắp xếp theo loại : cổ phần ghi danh và cổ phần có chứng nhận sở hữu;
 3. Giá trị chưa thanh toán đối với loại cổ phần ghi danh.
 4. Ngày, tháng, năm đăng ký làm cổ đông của công ty.
 5. Ngày, tháng, năm huỷ bỏ tư cách cổ đông của công ty.
- Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại văn phòng của công ty trách nhiệm hữu hạn để các cổ đông dễ dàng kiểm tra vào bất cứ lúc nào.

Muộn nhất là ngày 25/12 hằng năm, Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn phải gửi cho cơ quan đăng ký liên quan bản sao sổ đăng ký cổ đông mỗi khi có thay đổi hoặc ít nhất mỗi năm một lần nếu không có thay đổi gì.

Điều 113 : Chuyển nhượng cổ phần ghi danh không có giá trị

Việc chuyển nhượng cổ phần ghi danh có thể không có giá trị nếu vi phạm những yêu cầu nêu trong đoạn 2 Điều 109 của Luật này.

Trường hợp chuyển nhượng cổ phần ghi danh không có giá trị, người được chuyển nhượng không thể trở thành cổ đông của công ty trách nhiệm hữu hạn có cổ phần đã chuyển nhượng đó, cho tới khi vấn đề được giải quyết một cách đúng đắn. Cổ phần đã chuyển nhượng trong trường hợp này giữ nguyên chủ sở hữu cũ.

Người được chuyển nhượng đã nắm cổ phần trong hơn 2 năm mà không bị khiếu kiện hay phản đối có quyền sở hữu cổ phần đó theo đúng pháp luật.

Điều 114 : Trách nhiệm của người chuyển nhượng và người được chuyển nhượng cổ phần

Người chuyển nhượng cổ phần phải có trách nhiệm thanh toán với chủ nợ khoản tiền chưa thanh toán trong những trường hợp sau :

1. Như quy định trong đoạn 4 Điều 109 của luật này;
2. Cổ phần chuyển nhượng đang được yêu cầu thanh toán;
3. Người được chuyển nhượng cổ phần không thể trả khoản tiền chưa thanh toán của các cổ phần.

Trách nhiệm của người chuyển nhượng cổ phần là trách nhiệm đối với chủ nợ và trách nhiệm này sẽ chấm dứt sau 1 năm kể từ ngày đăng ký chuyển nhượng cổ phần. Công ty trách nhiệm hữu hạn không có quyền đưa ra tòa kiện người chuyển nhượng.

Người được chuyển nhượng có mọi quyền, nhiệm vụ và nghĩa vụ gắn với cổ phần đã chuyển nhượng.

C. Tăng hoặc giảm vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn

Điều 115 : Tăng vốn

Công ty trách nhiệm hữu hạn có thể tăng vốn đăng ký bằng cách phát hành cổ phần mới hoặc tăng mệnh giá của mỗi cổ phần.

Tăng vốn đăng ký phải được thông qua bằng bỏ phiếu của đại hội cổ đông như quy định tại Điều 149 của Luật này.

Điều 116 : Bán cổ phần bổ sung

Bán cổ phần bổ sung thêm phải theo thứ tự ưu tiên như sau :

1. Bán cho các cổ đông của công ty trách nhiệm hữu hạn theo tỷ lệ cổ phần họ nắm giữ, bằng cách gửi cho họ thông báo bằng văn bản trong đó quy định ngày phải trả lời. Cổ đông nào không trả lời hoặc trả lời muộn hơn quy định coi như đã từ bỏ quyền được mua của mình;
2. Bán cho những cổ đông của công ty trách nhiệm hữu hạn quan tâm mua cổ phần chào bán sau khi thời hạn quy định đã qua hoặc các cổ đông từ chối mua cổ phần theo tỷ lệ của họ;
3. Giám đốc công ty có quyền mua những cổ phần còn lại nêu trong điểm 2 của Điều này;

4. Bán cho người ngoài. Phương thức và thủ tục để chuyển nhượng cổ phần được quy định trong Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn.

Những quy định nêu trong Điều 103 của Luật này cũng áp dụng cho cổ đông nào không thanh toán các cổ phần bổ sung đúng ngày đã quy định.

Điều 117 : Giảm vốn

Có thể giảm vốn đăng ký của công ty trách nhiệm hữu hạn bằng cách giảm giá trị mỗi cổ phần hoặc giảm số lượng cổ phần. Giảm vốn đăng ký phải phù hợp với những yêu cầu sau :

1. Giá trị của một cổ phần không được dưới 1.000 kíp;
2. Vốn còn lại sau khi giảm không được thấp hơn một nửa vốn đăng ký và vốn cố định tối thiểu đối với những lĩnh vực đã quy định tại Điều 25 của Luật này;
3. Giảm vốn đăng ký chỉ có thể thực hiện bằng nghị quyết đặc biệt nêu tại Điều 149 của Luật này.
4. Chủ nợ của công ty trách nhiệm hữu hạn không phản đối việc giảm vốn như trên.

Điều 118: Thông báo với chủ nợ

Thông báo với chủ nợ để họ bày tỏ phản đối phải được tiến hành như sau :

1. Thông báo bằng văn bản tới tất cả các chủ nợ của công ty trách nhiệm hữu hạn, trong đó nêu rõ mục đích, hình thức giảm vốn : giảm giá trị của cổ phần hay giảm số lượng cổ phần. Thời gian để chủ nợ trả lời phản đối không quá 2 tháng kể từ ngày nhận được thông báo. Chủ nợ nào không trả lời trong thời gian nêu trên coi như không phản đối.
2. Thông báo công khai trên truyền thông đại chúng ít nhất 10 lần, trong đó nêu rõ thời gian để trả lời cũng như các nội dung đã quy định tại điểm 1 của Điều này.

Điều 119 : Phản đối và trách nhiệm thông báo

Công ty trách nhiệm hữu hạn không thể giảm vốn nếu có bất kỳ phản đối nào của chủ nợ, trừ khi các khoản nợ đã được thanh toán hết.

Nếu chủ nợ nào đó không nhận được thông báo giảm vốn do lỗi của công ty trách nhiệm hữu hạn thì công ty phải thanh toán cho chủ nợ này trong thời gian không quá 1 năm kể từ ngày đại hội cổ đông thông qua nghị quyết giảm vốn.

Trường hợp lỗi thuộc về chủ nợ thì coi như chủ nợ không phản đối.

Điều 120 : Đăng ký tăng hoặc giảm vốn

Công ty trách nhiệm hữu hạn thực hiện tăng hoặc giảm vốn như nêu trong Phần C này phải đăng ký với cơ quan đăng ký liên quan như sau :

1. Đăng ký tăng vốn trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ các cổ phần bổ sung đã được thanh toán xong;
2. Đăng ký giảm vốn trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày không có phản đối hoặc từ ngày đã thanh toán xong các khoản nợ cho chủ nợ phản đối việc giảm vốn.

Sau khi đăng ký tăng hoặc giảm vốn, Công ty trách nhiệm hữu hạn phải thông báo cho công chúng biết qua truyền thông đại chúng ít nhất 1 lần trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký xong.

Đơn xin đăng ký thay đổi vốn phải gồm danh sách các cổ đông cùng với giá trị hoặc số lượng cổ phần đã tăng hoặc giảm, quốc tịch, địa chỉ và số lượng trái phiếu và số lượng cổ phần họ nắm giữ.

D. Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty trách nhiệm hữu hạn

Điều 121 (Sửa đổi) Giám đốc

Giám đốc là một người của Công ty trách nhiệm hữu hạn. Quan hệ giữa giám đốc, công ty và người ngoài phải dựa trên luật pháp liên quan.

Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn không có lương nhưng được nhận tiền thù lao và tiền thưởng hằng năm với tỷ lệ hoặc giá trị do Đại hội cổ đông thoả thuận, trừ trường hợp giám đốc là người ngoài công ty hoặc có thoả thuận khác.

Giám đốc có thể là hoặc không là cổ đông của công ty, trừ khi có thoả thuận khác.

Tất cả các hoạt động của Giám đốc phải nằm trong phạm vi quyền và nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Công ty và dưới sự giám sát của Đại hội cổ đông.

Một công ty trách nhiệm hữu hạn có thể có vài giám đốc, tùy theo nhu cầu của công ty.

Công ty trách nhiệm hữu hạn có nhiều giám đốc sẽ uỷ quyền cho một người trong số họ thay mặt công ty thực hiện ký kết hợp đồng. Trong trường hợp này, giám đốc được gọi là “Giám đốc điều hành” (Tổng giám đốc).

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành thì gọi là “Chủ tịch-Tổng giám đốc”.

Điều 122 : Phẩm chất, năng lực của Giám đốc

Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn phải có những phẩm chất, năng lực sau:

1. Không là một pháp nhân;
2. Là người có năng lực;
3. Không phải là người bị phá sản chưa qua thời hạn bị hạn chế hoạt động kinh doanh theo lệnh của toà án;
4. Chưa bao giờ bị tù vì tội gian lận và tham ô.

Điều 123 (Sửa đổi) Bỏ nhiệm hoặc bãi miễn giám đốc

Bỏ nhiệm giám đốc trong những trường hợp sau :

1. Giám đốc khóa đầu tiên được bầu tại Đại hội thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn.
2. Giám đốc khóa sau do Đại hội cổ đông bầu.
3. Hội đồng quản trị có thể họp quyết định bỏ nhiệm giám đốc khi chức giám đốc bị trống giữa hai kỳ Đại hội cổ đông. Trường hợp công ty không có Hội đồng quản trị thì bỏ nhiệm chức giám đốc bỏ trống nêu trên theo Điều lệ công ty.

Bãi miễn Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn được tiến hành như cách thức bỏ nhiệm.

Có thể bãi miễn giám đốc vào bất kỳ thời điểm nào nếu có đủ cơ sở, kể cả khi còn nghi ngờ.

Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị của công ty trách nhiệm hữu hạn không có quyền kiện ra toà việc bỏ nhiệm hoặc bãi miễn giám đốc, trừ khi việc bỏ nhiệm hoặc bãi miễn đó vi phạm thủ tục do luật pháp hoặc Điều lệ công ty quy định.

Điều 124 : Cách bỏ phiếu bầu bỏ nhiệm hoặc bãi miễn giám đốc

Bỏ phiếu bầu hoặc bãi miễn giám đốc có thể theo hai cách : bầu gộp phiếu và bầu trực tiếp.

Bầu gộp phiếu là cho phép mỗi cổ đông được nhân số cổ phần mà họ nắm giữ với số ứng cử viên, rồi đem tích của hai số này gộp thành số phiếu để bầu cho một hoặc nhiều ứng cử viên. Mỗi cổ phần được tính một phiếu. Ứng cử viên nào gộp được nhiều phiếu bầu nhất được bầu làm giám đốc.

Chỉ có thể bãi miễn giám đốc đã được bầu theo cách gộp phiếu khi số phiếu phản đối bằng số phiếu gộp.

Bầu trực tiếp là bầu duy nhất một giám đốc bằng cách gộp phiếu, mỗi cổ phần tương đương một phiếu.

Ứng cử viên trúng cử như nêu trong đoạn 4 Điều này là người có số phiếu gộp của hơn một nửa số cổ đông và đại diện cổ đông tham gia bỏ phiếu. Việc bãi miễn giám đốc trong trường hợp này sẽ phải tiến hành theo cách như khi người này đã được bầu.

Điều 125: Số lượng giám đốc và thời hạn nhiệm kỳ giám đốc

Số lượng giám đốc của công ty trách nhiệm hữu hạn có thể là một hoặc vài người do Điều lệ công ty quy định hoặc do Đại hội cổ đông nhất trí.

Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn có nhiệm kỳ 2 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Nhiệm kỳ của giám đốc được bổ nhiệm như nêu trong đoạn 3 Điều 123 của Luật này sẽ thời hạn nhiệm kỳ còn lại của giám đốc bị thay thế.

Điều 126 : Trách nhiệm của giám đốc

Giám đốc phải chịu trách nhiệm trong những trường hợp sau :

1. Vi phạm phạm vi mục đích kinh doanh đã được Điều lệ hoặc Hợp đồng thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn quy định;
2. Vi phạm Điều lệ của Công ty;
3. Hành động vượt ngoài phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ đã được quy định;
4. Không thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ đã được quy định;

Giám đốc có thể được miễn trách nhiệm nếu chứng minh được không vi phạm hoặc phản bác được việc quy trách nhiệm về những sai lầm.

Cổ đông phải hoàn lại tiền theo tỷ lệ mà giám đốc đã trả khi vi phạm Điều lệ công ty.

Những trách nhiệm dân sự của giám đốc đối với các đối tác bên ngoài sẽ áp dụng theo luật pháp.

Điều 127 : Trách nhiệm đối với những hành vi sai trái của giám đốc

Công ty trách nhiệm hữu hạn phải chịu trách nhiệm đối với những hành vi sai trái của giám đốc công ty khi hành vi sai trái đó đã được Đại hội cổ đông thông qua như nêu trong các điểm từ 1 đến 4 Điều 126 của Luật này.

Trường hợp vi phạm phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ đã được quy định đối với giám đốc, cán bộ hoặc nhân viên nhưng không vi phạm phạm vi mục đích kinh doanh của công ty, thì công ty sẽ phải chịu trách nhiệm đối với các đối tác ngoài công ty. Những trách nhiệm trong nội bộ giữa công ty và giám đốc, cán bộ hoặc nhân viên được thực hiện theo các luật pháp liên quan.

Điều 128 : Các biện pháp đối với hành vi sai trái của giám đốc

Công ty trách nhiệm hữu hạn phải có những biện pháp đối với giám đốc có những hành vi sai trái như nêu trong Điều 126 của Luật này. Các biện pháp cụ thể đối với giám đốc được quy định trong Điều lệ công ty.

Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn không có biện pháp nào như nêu trong đoạn 1 của Điều này, thì một hoặc nhiều cổ đông có số cổ phần nắm giữ chiếm 4% tổng số cổ phần của công ty có thể thông báo bằng văn bản đề nghị công ty trừng phạt hoặc ngưng chức vụ của giám đốc có hành vi sai trái.

Trường hợp công ty trách nhiệm không xử lý hoặc xử lý không đúng đối với giám đốc vi phạm, cổ đông nói trên được quyền với danh nghĩa công ty đưa ra toà phán xét để trừng phạt hoặc ngưng chức vụ của giám đốc liên quan.

Điều 129 : Thực hiện nghĩa vụ của giám đốc dưới danh nghĩa công ty trách nhiệm hữu hạn

Việc thực hiện các nghĩa vụ của giám đốc được phân làm hai loại : thực hiện với danh nghĩa người của công ty trách nhiệm hữu hạn và thực hiện những nghĩa vụ đặc trưng riêng (với danh nghĩa cá nhân).

Thực hiện nghĩa vụ với danh nghĩa công ty trách nhiệm hữu hạn phải phù hợp với luật pháp liên quan. Điều khoản này cũng áp dụng tương tự đối với các cán bộ hoặc nhân viên của công ty trách nhiệm hữu hạn.

Thực hiện nghĩa vụ đặc trưng riêng của giám đốc bao gồm :

1. Quản lý công việc kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn để hoạt động một cách đúng đắn như đã quy định trong Hợp đồng thành lập công ty, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông;
2. Đề nghị đóng cổ phần đúng số lượng và thời hạn như đã quy định;
3. Quản lý và sử dụng vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn phù hợp với mục đích;
4. Lập sổ sách kế toán, lưu giữ mọi hồ sơ, tài liệu của công ty;
5. Hợp tác với kiểm toán viên trong giải trình tính xác thực và nguồn gốc các số liệu và thông tin trong bản quyết toán trước khi đưa ra Đại hội cổ đông thông qua;
6. Gửi các bản sao bản quyết toán cho các cổ đông đọc và gửi một số bản sao cho những cổ đông nắm giữ cổ phần có chứng nhận sở hữu lưu giữ để kiểm tra khi được yêu cầu;
7. Phân chia cổ tức một cách đúng đắn;
8. Quản lý và sử dụng các cán bộ, nhân viên của công ty;
9. Thông báo, trực tiếp hoặc gián tiếp, cho công ty trách nhiệm hữu hạn biết về những lợi ích của bản thân liên quan tới các hợp đồng hoặc về việc tăng hoặc giảm cổ phần của bản thân trong năm tài chính tại công ty hoặc tại các chi nhánh của công ty.

Điều 130 : Nghiêm cấm đối với giám đốc

Cấm giám đốc tiến hành các hoạt động kinh doanh có tính chất cạnh tranh với công ty trách nhiệm hữu hạn như sau :

1. Hoạt động trong cùng hoặc giống với lĩnh vực của công ty, dù hoạt động kinh doanh đó là vì lợi ích của bản thân hay vì lợi ích của người khác, trừ khi có thoả thuận khác của Đại hội cổ đông;
2. Là cổ đông của một công ty cổ phần phổ thông hoặc cổ đông thường của một công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn mà công ty này đang tiến hành hoạt động kinh doanh giống hoặc cùng lĩnh vực với công ty trách nhiệm hữu hạn mà bản thân đang làm giám đốc, trừ khi có thoả thuận khác của Đại hội cổ đông;
3. Tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào với công ty trách nhiệm hữu hạn riêng của bản thân, dù hoạt động đó vì lợi ích của bản thân hay của người khác, trừ khi có thoả thuận khác;
4. Vay mượn hoặc cho các thành viên gia đình hoặc họ hàng vay tiền của công ty trách nhiệm hữu hạn mà bản thân đang làm giám đốc, trừ khi Điều lệ công ty có quy định khác. Những hạn chế này áp dụng cho cả các cán bộ và nhân viên của công ty trách nhiệm hữu hạn.

Trường hợp vi phạm nghiêm cấm nêu trong Điều này, thì áp dụng các biện pháp nêu trong Điều 128 của Luật này.

Điều 131 : Trách nhiệm đối với các đối tác bên ngoài trong việc bổ nhiệm giám đốc

Giám đốc nếu được bổ nhiệm trái với Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc không đủ khả năng, phẩm chất, hoặc vì những lý do khác, vẫn phải chịu trách nhiệm đối với các đối tác bên ngoài.

Điều 132 (Sửa đổi) Giám đốc chấm dứt nhiệm vụ, quyền hạn

Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn có thể chấm dứt nhiệm vụ, quyền hạn vì những lý do sau :

1. Nhiệm kỳ kết thúc;
2. Bị Đại hội cổ đông bỏ phiếu bãi nhiệm;
3. Theo quyết định của toà án như nêu trong đoạn 4 Điều 123 của Luật này;
4. Giám đốc qua đời, bị phá sản hoặc mất năng lực hành vi, từ chức hoặc thiếu phẩm chất, năng lực như nêu trong Điều 122 của Luật này.

Sau khi giám đốc kết thúc nhiệm vụ và sau khi đã bổ nhiệm giám đốc mới, công ty trách nhiệm hữu hạn phải thông báo với cơ quan đăng ký liên quan để đăng ký việc thay đổi này trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày giám đốc mới được bổ nhiệm.

Việc thay đổi giám đốc chỉ có hiệu lực đối với các đối tác bên ngoài khi thay đổi đó đã được đăng ký như nêu trong đoạn 2 Điều này.

Việc từ chức của giám đốc sẽ có hiệu lực kể từ ngày công ty trách nhiệm hữu hạn nhận được đơn từ chức của người đó.

Trường hợp tất cả thành viên của Hội đồng Quản trị đều kết thúc công việc, thì Hội đồng Quản trị vẫn tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ cần thiết cho tới khi có Hội đồng Quản trị mới thay thế, trừ khi có phán quyết khác của toà án như được nêu tại điểm 3 Điều này.

Điều 133 : Sổ đăng ký giám đốc

Sổ đăng ký (các) giám đốc gồm :

1. Họ tên, quốc tịch, ngày, tháng năm sinh và nơi sinh của (các) giám đốc;
2. Loại cổ phần, giá trị, số đối chiếu và số lượng cổ phiếu do mỗi giám đốc nắm giữ;
3. Ngày, tháng năm được bổ nhiệm làm giám đốc;
4. Sổ đăng ký (các) giám đốc và báo cáo về Đại hội cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty trách nhiệm hữu hạn để mọi cổ đông có thể xem và kiểm tra.

Điều 134 : Hội đồng quản trị

Công ty TNHH có từ hai giám đốc trở lên có thể thành lập “HĐQT” . Công ty TNHH có tài sản trị giá trên 50 tỷ kip phải có HĐQT và kiểm toán viên.

HĐQT hoạt động trên cơ sở các nguyên tắc và phương pháp được quy định tại Điều lệ về công ty TNHH. Trong trường hợp Điều lệ về công ty TNHH không quy định vấn đề trên thì HĐQT hoạt động theo quy định từ Điều 136 đến 139 của Luật này.

HĐQT hoạt động trên cơ sở phân chia nhiệm vụ giữa các giám đốc .
HĐQT phải có chủ tịch và phó chủ tịch hoặc không có cũng được.

Điều 135 (Sửa đổi): Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

HĐQT có những quyền và nghĩa vụ sau:

1. Là đầu mối và điều tiết hoạt động của các giám đốc;
2. Bổ sung chức vụ giám đốc còn trống giữa hai đại hội cổ đông thường kỳ;
3. Lập kế hoạch hoạt động kinh doanh của công ty TNHH và trình kế hoạch lên đại hội cổ đông để thông qua;
4. Thực hiện những quyền và nghĩa vụ khác được quy định trong các văn bản luật về công ty TNHH.

Điều 136 (Sửa đổi) : Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên của HĐQT phụ thuộc vào quyết định của bản thân hội đồng nhưng không được ít hơn một nửa số lượng giám đốc công ty. Trong trường hợp công ty chỉ có hai giám đốc thì số lượng thành viên HĐQT là hai người.

Trong trường hợp một ghế giám đốc công ty còn trống nhưng thành viên của HĐQT đã có đủ thì HĐQT tiếp tục hoạt động của mình cho đến khi bổ nhiệm giám đốc mới.

Trong trường hợp số lượng ghế giám đốc không trống ít hơn số lượng cần thiết để hình

thành đủ số thành viên của HĐQT như qui định trong đoạn 1 của Điều này thì HĐQT không thể tiếp tục hoạt động trừ hoạt động nhằm làm tăng cho đủ số lượng thành viên của HĐQT theo quy định.

Điều 137 : Chủ tịch và phó chủ tịch của Hội đồng quản trị

Chủ tịch và phó chủ tịch của HĐQT được bầu từ các giám đốc.

Chủ tịch HĐQT chủ trì các cuộc họp HĐQT, đại hội cổ đông và thực hiện những quyền và nghĩa vụ khác được quy định trong Điều lệ về công ty TNHH.

Phó chủ tịch HĐQT thực hiện nhiệm vụ trợ giúp cho chủ tịch theo phân công.

Trong trường hợp chủ tịch HĐQT không tham dự được cuộc họp HĐQT hoặc đại hội cổ đông thì phó chủ tịch HĐQT được uỷ quyền chủ trì các cuộc họp này. Trong trường hợp phó chủ tịch cũng không dự được thì HĐQT hoặc đại hội cổ đông sẽ lựa chọn bất kỳ giám đốc nào chủ trì cuộc họp.

Người chủ trì đại hội cổ đông của một công ty TNHH không có HĐQT là một giám đốc được đại hội chỉ định làm người chủ trì.

Điều 138 (Sửa đổi) : Triệu tập họp Hội đồng quản trị

Bất kỳ giám đốc công ty nào cũng có quyền triệu tập họp HĐQT.

Giám đốc công ty phải trực tiếp tham gia họp HĐQT chứ không được phép cử người dự họp thay mình, trừ trường hợp người họp thay được tất cả các giám đốc khác chấp nhận. Người dự họp thay có thể nêu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể tổ chức họp không chính thức thông qua phương tiện truyền thông.

Điều 139 (Sửa đổi) : Nghị quyết và biên bản họp Hội đồng quản trị

Nghị quyết của cuộc họp HĐQT chỉ có hiệu lực khi được hơn một nửa số giám đốc dự họp bỏ phiếu thông qua. Mỗi giám đốc được bỏ một phiếu.

Với tư cách giám đốc, Chủ tịch HĐQT cũng bỏ phiếu như những giám đốc khác. Nếu kết quả bỏ phiếu là bằng nhau thì chủ tịch HĐQT có quyền bỏ thêm một lá phiếu quyết định.

Giám đốc có lợi ích đặc biệt hoặc lợi ích trực tiếp liên quan đến nghị quyết được quyết định bằng lá phiếu sẽ không được quyền bỏ phiếu.

Việc bỏ phiếu về nghị quyết của cuộc họp không chính thức được quy định trong Điều lệ về công ty TNHH trong đó mô tả cụ thể phương thức bỏ phiếu khi sử dụng phương tiện truyền thông để tiến hành họp HĐQT.

Mỗi cuộc họp HĐQT đều phải ghi lại biên bản hoặc có báo cáo về cuộc họp. Biên bản họp HĐQT được lưu giữ tại trụ sở của công ty TNHH để các cổ đông của công ty có thể xem và kiểm tra, trừ những tài liệu hoặc thông tin được coi là bí mật thương mại hoặc chiến lược cạnh tranh của công ty TNHH.

Điều 140 (Sửa đổi) : Cán bộ, nhân viên của công ty TNHH

Cán bộ của công ty TNHH bao gồm người quản lý, thư ký, kế toán và các cán bộ khác.

Cán bộ của công ty TNHH được HĐQT bổ nhiệm hoặc sa thải hoặc có thể được giám đốc công ty bổ nhiệm hoặc sa thải nếu công ty đó không có HĐQT. Nhân viên công ty TNHH do người quản lý công ty tuyển dụng hoặc sa thải.

Cán bộ của công ty TNHH được hưởng lương. Nhân viên của công ty được hưởng tiền công. Tiền lương và tiền công của cán bộ, nhân viên công ty được đại hội cổ đông của công ty TNHH thông qua. Đối với mức lương tối thiểu phải không thấp hơn mức quy định tại văn bản Luật liên quan.

Cán bộ và nhân viên công ty TNHH thực thi các quyền và nghĩa vụ theo thẩm quyền.

Quan hệ giữa các giám đốc, cán bộ và nhân viên công ty TNHH dựa trên luật định.

Việc thuê và giao nhiệm vụ cho cán bộ, nhân viên phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó quy định chi tiết các quyền và nghĩa vụ được giao, phải có chữ ký của người tuyển dụng.

Trong trường hợp công ty TNHH không bổ nhiệm người quản lý thì giám đốc công ty thực thi quyền và nghĩa vụ của người quản lý.

E. Đại hội cổ đông của công ty TNHH

Điều 141 (Sửa đổi) : Các đại hội cổ đông

Đại hội cổ đông là cơ quan cao nhất của công ty TNHH. Có hai hình thức đại hội cổ đông, đó là đại hội thường kỳ và đại hội bất thường.

Đại hội thường kỳ được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần. Thời gian tổ chức đại hội được Điều lệ của công ty TNHH ấn định.

Đại hội bất thường có thể được triệu tập vào bất cứ thời điểm cần thiết nào như : chức danh kiểm toán viên nào đó trống .

Đại hội bất thường được triệu tập trong những trường hợp sau:

1. Khi hơn một nửa số lượng giám đốc nhất trí tiến hành đại hội cổ đông.
2. Khi một cổ đông yêu cầu toà án và công ty TNHH tiến hành đại hội.
3. Khi các cổ đông có cổ phiếu tương đương với ít nhất 20% tổng số cổ phiếu yêu cầu triệu tập đại hội.

Để triệu tập đại hội cổ đông như nêu trong đoạn 3 của điều này, các cổ đông phải gửi thư cho HĐQT hoặc giám đốc công ty, trong đó nêu rõ họ tên, mục đích yêu cầu triệu tập đại hội. Sau khi nhận được thư, trong vòng 30 ngày, HĐQT hoặc giám đốc công ty phải triệu tập đại hội cổ đông.

Điều 142 (Sửa đổi) : Thông báo cho cổ đông trước khi tiến hành đại hội cổ đông.

Chậm nhất là 5 ngày làm việc trước khi tiến hành đại hội cổ đông thường kỳ hoặc bất thường, HĐQT hoặc giám đốc công ty phải gửi thông báo cho tất cả các cổ đông nêu rõ ngày, giờ khai mạc và bế mạc, địa điểm tổ chức đại hội cùng tất cả tài liệu cần thiết liên quan đến đại hội.

Trong trường hợp đại hội cổ đông bị hoãn, HĐQT hoặc giám đốc công ty phải triệu tập đại hội theo cách thức được quy định trong đoạn 1 của điều này.

Việc thông báo cho cổ đông về đại hội có thể được thực hiện bằng cách gửi thông báo trực tiếp hoặc thông báo qua các phương tiện thông tin phù hợp.

Điều 143 : Số đại biểu cần thiết theo quy định

Công ty TNHH sẽ quyết định số đại biểu cần thiết và quy định tiến hành đại hội cổ đông trong Điều lệ của công ty. Trong trường hợp không có quy định như vậy thì số đại biểu cần thiết phải ít nhất là 2 cổ đông tham dự đại hội có cổ phiếu lớn hơn một nửa tổng số cổ phiếu được đóng góp.

Điều lệ của công ty TNHH có thể quy định rõ số đại biểu cần thiết theo thoả thuận nhưng không được ít hơn số đại biểu được quy định trong đoạn 1 của Điều này.

Cổ phiếu mất hiệu lực do chuyển nhượng của cổ đông có tham dự đại hội cổ đông không được tính khi quyết định số đại biểu cần thiết của đại hội cổ đông.

Điều 144 : Chương trình nghị sự của đại hội cổ đông

Chủ tịch đại hội cổ đông khi tiến hành đại hội phải tuân thủ trình tự trong chương trình nghị sự đã được nhất trí. Việc thay đổi trình tự của chương trình nghị sự chỉ có thể được thực hiện khi được bỏ phiếu và số phiếu thuận phải quá bán.

Đại hội cổ đông có thể đưa một vấn đề bổ sung vào chương trình nghị sự nếu được số cổ đông có cổ phiếu chiếm hơn một phần ba tổng số cổ phiếu đề nghị.

Trong trường hợp một vấn đề cần thêm thời gian để xem xét, đại hội cổ đông có thể nhất trí hoãn việc xem xét vấn đề đó và tổ chức một cuộc họp bổ sung mà không cần phải tiến hành các thủ tục triệu tập họp được quy định trong điều 142 của luật này.

Điều 145 : Địa điểm và quy định của đại hội cổ đông

Đại hội cổ đông phải được tiến hành tại trụ sở của công ty TNHH, trừ trường hợp cần thiết hoặc được nhất trí có thể tiến hành ở nơi khác.

Nếu sau 2 giờ kể từ khi bắt đầu đại hội mà số đại biểu cần thiết không có mặt thì chủ tịch đại hội được quyền đình chỉ đại hội.

Một đại hội mới sẽ được ấn định trong vòng 10 ngày kể từ ngày đại hội cổ đông bị đình chỉ. Lần này, đại hội mới có thể được tiến hành mà không nhất thiết phải có đủ số đại biểu cần thiết tham dự.

Điều 146 : Hạn chế đối với hoạt động biểu quyết

Quyền biểu quyết của cổ đông có thể bị hạn chế trong những trường hợp sau:

1. Trường hợp được quy định trong Điều lệ của công ty TNHH;

2. Cổ đông chưa thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phiếu, trừ khi có thoả thuận khác;
3. Là cổ đông nắm giữ một số cổ phiếu của cổ đông khác trừ trường hợp trước khi tiến hành họp, cổ đông đó cho HĐQT hoặc giám đốc công ty biết về cổ phiếu này;
4. Là một cổ đông có quyền lợi đặc biệt hoặc quyền lợi có liên quan trực tiếp đến vấn đề được biểu quyết để thông qua.

Quyết định về hạn chế quyền biểu quyết của cổ đông nêu trong tiểu mục 4 của Điều này được thực hiện bởi đại hội cổ đông.

Điều 147 (Sửa đổi) : Cử người được uỷ quyền tham dự một cuộc họp

Một cổ đông có thể cử người được uỷ quyền thay mặt cho mình tham dự cuộc họp, việc cử người phải được thực hiện bằng văn bản và trao trực tiếp trước khi tiến hành cuộc họp cho HĐQT hoặc giám đốc công ty. Văn bản cử người được uỷ quyền phải bao gồm những nội dung sau:

1. Tên người được uỷ quyền và tên cổ đông uỷ quyền;
2. Số cổ phiếu của cổ đông uỷ quyền;
3. Tên, thời gian, địa điểm của cuộc họp và phạm vi uỷ quyền. Trong trường hợp cổ đông muốn người được uỷ quyền bỏ phiếu thay mình thì phải nêu rõ trong văn bản uỷ quyền.

Người được uỷ quyền dự họp được hưởng số phiếu biểu quyết tương đương với số phiếu cổ đông uỷ quyền được hưởng, trừ khi được quy định khác trong văn bản uỷ quyền.

Điều 148 : Nghị quyết của đại hội cổ đông

Nghị quyết của đại hội cổ đông được phân làm hai loại, đó là nghị quyết thông thường và nghị quyết đặc biệt.

Nghị quyết thông thường chỉ có hiệu lực khi số phiếu tán thành được kiểm chiếm hơn một nửa số phiếu được biểu quyết với điều kiện mỗi một cổ phiếu tương đương với một lá phiếu.

Điều 149 : Nghị quyết đặc biệt của đại hội cổ đông

Để tổ chức một đại hội cổ đông về một nghị quyết đặc biệt, công ty TNHH phải thông báo trước cho cổ đông như được quy định trong điều 142 của Luật này, trong đó nêu rõ vấn đề sẽ được biểu quyết để ra nghị quyết đặc biệt.

Đại hội cổ đông về một nghị quyết đặc biệt có thể được tổ chức một lần hoặc nhiều lần. Nghị quyết đặc biệt chỉ có hiệu lực khi có ít nhất hai phần ba số cổ đông và người được uỷ quyền dự họp biểu quyết, số cổ phiếu nắm giữ tương đương với 80% cổ phiếu đóng góp.

Những vấn đề cần có nghị quyết đặc biệt bao gồm:

1. Biểu quyết về những vấn đề cụ thể nêu trong Luật này;
2. Sửa đổi Điều lệ hoặc hợp đồng thành lập công ty TNHH;
3. Tăng hoặc giảm vốn;
4. Sát nhập hoặc giải thể công ty TNHH;
5. Bán hoặc chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của công ty TNHH cho người khác;
6. Mua hoặc tiếp nhận hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp khác;

7. Bỏ phiếu duy trì hiện trạng của công ty TNHH khi số lượng cổ đông vượt quá 30 người;

Nghị quyết đặc biệt phải được đăng ký với cơ quan lưu giữ hồ sơ liên quan trong vòng 10 ngày kể từ ngày ra nghị quyết.

Điều 150 : Cách thức thông qua một nghị quyết

Việc biểu quyết thông qua nghị quyết đặc biệt hoặc nghị quyết thông thường của Đại hội cổ đông có thể được thực hiện bằng cách bỏ phiếu hoặc bằng cách thức mở tùy thuộc vào quyết định của mỗi đại hội.

Điều 151. Bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông thiểu số

Nghị quyết của đại hội cổ đông có hiệu lực khi có phiếu biểu quyết được quy định trong Điều 148 và 149 của Luật này, tuy nhiên nếu nghị quyết đưa ra bị cổ đông thiểu số phản đối mà gây thiệt hại nghiêm trọng cho công ty TNHH, đặc biệt là các cổ đông thiểu số thì các cổ đông đa số phải bồi thường thiệt hại cho các cổ đông thiểu số như thoả thuận.

Điều 152 : Chấm dứt hiệu lực nghị quyết

Nghị quyết của đại hội cổ đông chỉ có thể bị chấm dứt hiệu lực bởi quyết định của toà án. Toà án có thể quyết định huỷ các nghị quyết trong những trường hợp các nghị quyết đó:

1. Vi phạm Điều lệ hoặc hợp đồng thành lập công ty TNHH;
2. Vi phạm quy định biểu quyết;
3. Vi phạm quy định về thông báo trước khi tiến hành đại hội cổ đông hoặc họp HĐQT theo Điều 142 của Luật này.

Điều 153 : Những người có quyền yêu cầu chấm dứt hiệu lực của nghị quyết

Cổ đông và HĐQT là những người có quyền yêu cầu chấm dứt hiệu lực nghị quyết của đại hội cổ đông.

Trong trường hợp cổ đông bị chết hoặc không có khả năng ra quyết định thì người giám hộ của cổ đông đó có quyền yêu cầu toà án chấm dứt hiệu lực nghị quyết của đại hội cổ đông.

Yêu cầu chấm dứt hiệu lực nghị quyết của đại hội cổ đông phải được thực hiện trong vòng 60 ngày kể từ ngày đại hội cổ đông biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 154 (Sửa đổi) : Quyền và nghĩa vụ của cuộc họp thông thường

Một cuộc họp thông thường có những quyền và nghĩa vụ chính như sau:

1. Thông qua Điều lệ và hợp đồng thành lập của công ty TNHH;
2. Bầu giám đốc hoặc nhất trí thành lập HĐQT;
3. Bầu kiểm toán viên;
4. Quyết định thù lao và chi tiêu hàng năm cho các cuộc họp và lương của các giám đốc;
5. Quyết định lương và trợ cấp của cán bộ, nhân viên, kiểm toán viên của công ty TNHH.

Kiểm toán viên do toà án chỉ định nêu tại đoạn 3, Điều 160 của Luật này có mức lương do toà án ấn định;

6. Thông qua báo cáo tóm tắt về hoạt động kinh doanh; bản kê thu nhập và chi phí, kế hoạch kinh doanh của công ty TNHH;
7. Thông qua phương thức chia cổ tức;
8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ cần thiết khác;

Một cuộc họp bất thường thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với những vấn đề nảy sinh giữa hai cuộc họp thông thường.

F. Tài chính của công ty TNHH

Điều 155 : Phân chia cổ tức

Việc phân chia cổ tức được thực hiện theo tỉ lệ phần trăm tương ứng với số cổ phiếu đóng góp, trừ khi được thoả thuận theo cách khác. Trước khi phân chia cổ tức cần phải có sự thông qua của đại hội cổ đông.

Công ty TNHH không được quyền phân chia cổ tức khi vẫn đang bị thua lỗ cộng dồn.

Trong trường hợp đoạn 2 của Điều này bị vi phạm và gây thiệt hại cho một chủ nợ của công ty thì một chủ nợ có thể khởi kiện các cổ đông để đòi lại cổ tức đã được chia.

Điều 156 : Quỹ dự phòng

Có hai loại quỹ dự phòng, đó là quỹ dự phòng theo quy định và quỹ dự phòng khác.

Quỹ dự phòng theo quy định là quỹ dùng để phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh, hàng năm công ty TNHH sau khi khấu trừ lỗ phải dành 10% lợi nhuận ròng cho quỹ này. Khi quỹ dự phòng đã tích lũy được bằng một nửa số vốn đăng ký, công ty TNHH có thể tạm ngừng việc khấu trừ, trừ khi được quy định khác trong Điều lệ của công ty TNHH.

Công ty TNHH có thể lập thêm các quỹ dự phòng khác theo thoả thuận tại đại hội cổ đông.

Điều 157 : Sử dụng quỹ dự phòng

Quỹ dự phòng theo quy định của công ty TNHH chỉ được sử dụng để bù lỗ của công ty, trừ khi được quy định khác theo luật. Các quỹ dự phòng khác của công ty TNHH có thể được sử dụng để bù lỗ nếu được đại hội cổ đông thông qua.

G. Kiểm toán công ty TNHH

Điều 158 : Kiểm toán

Kiểm toán là hoạt động kiểm tra tính chính xác của thông tin và phương thức lưu sổ sách các tài khoản như được quy định trong Luật Kiểm toán Doanh nghiệp. Hoạt động kiểm toán của cổ đông được tiến hành thông qua các kiểm toán viên do cổ đông lựa chọn tại đại hội

cổ đông.

Công ty TNHH có thể thuê kiểm toán viên ngay từ ngày thành lập, kiểm toán viên có thể được thuê dài hạn hoặc định kỳ theo thỏa thuận tại đại hội cổ đông trừ trường hợp công ty TNHH có tài sản trên 5 tỉ kip.

Điều 159 : Tiêu chuẩn chuyên môn của kiểm toán viên

Kiểm toán viên phải đáp ứng được những tiêu chuẩn sau:

1. Không phải là giám đốc, cán bộ hay nhân viên của công ty TNHH;
2. Không có lợi ích đặc biệt nào hay lợi ích trực tiếp có liên quan trong công ty TNHH.

Kiểm toán viên có thể là một cổ đông hoặc một người ngoài công ty.

Điều 160 (Sửa đổi) : Chỉ định hoặc bãi miễn kiểm toán viên

Kiểm toán viên được chỉ định hoặc bãi miễn bởi đại hội cổ đông.

Trong trường hợp vị trí kiểm toán viên bị bỏ trống bất kể vì bất kỳ lý do gì, HĐQT hoặc giám đốc công ty phải triệu tập cuộc họp bất thường để chọn kiểm toán viên thay thế để đảm bảo đủ số kiểm toán viên.

Trong trường hợp vi phạm đoạn 2 của Điều này, ít nhất ba cổ đông được quyền đăng ký yêu cầu toà án chỉ định một kiểm toán viên.

Điều 161 : Quyền và nghĩa vụ của kiểm toán viên

Một kiểm toán viên có những quyền và nghĩa vụ sau:

1. Được hưởng tiền công;
2. Thanh tra sổ sách kế toán của công ty TNHH bất cứ khi nào cần;
3. Yêu cầu giám đốc, cán bộ, nhân viên công ty cung cấp thông tin về bất cứ vấn đề nào có liên quan đến hoạt động thanh tra sổ sách kế toán của công ty;
4. Viết và gửi báo cáo thu chi cùng bản quyết toán cho đại hội cổ đông, dựa trên các tài liệu trên, báo cáo và chứng thực tính chính xác hoặc không chính xác của hệ thống kế toán hoặc dữ liệu liên quan đến sổ sách kế toán của công ty TNHH.

Điều 162 : Báo cáo thường niên về hoạt động kinh doanh

Báo cáo thường niên về hoạt động kinh doanh của công ty TNHH bao gồm những nội dung sau:

1. Tổng vốn, vốn đăng ký, số lượng cổ phiếu đã phát hành nhưng chưa thanh toán;
2. Loại cổ phiếu, số lượng cổ phiếu đã phát hành và thanh toán;
3. Tên, địa chỉ và hình thức kinh doanh của các công ty khác mà công ty TNHH nắm giữ cổ phiếu bao gồm loại và số lượng cổ phiếu nắm giữ;
4. Thông tin quy định cụ thể tại đoạn 9, Điều 129 của luật này;
5. Mọi khoản thù lao mà mỗi giám đốc nhận được từ công ty;
6. Các vấn đề khác được quy định trong Điều lệ của công ty TNHH.

Điều 163 : Quyền của cổ đông trong việc thanh tra tài liệu

Cổ đông có quyền thanh tra hoặc sao chụp các tài liệu được đăng ký của công ty TNHH bất cứ lúc nào trong giờ làm việc, trừ các tài liệu liên quan đến bí mật thương mại và chiến lược cạnh tranh.

Lệ phí sao chụp tài liệu được thu chỉ dựa trên chi phí của bản sao chụp.

Cổ đông có quyền yêu cầu giám đốc công ty TNHH ký chứng thực giá trị của bản sao tài liệu.

H. Sáp nhập và giải thể công ty TNHH

Điều 164 : Sáp nhập công ty TNHH

Một công ty TNHH có thể sáp nhập với các công ty khác để trở thành công ty đang hoạt động hoặc một công ty mới.

Công ty TNHH có thể sáp nhập chỉ khi:

1. Có nghị quyết đặc biệt như quy định trong Điều 149 của Luật này;
2. Có thông báo cho các chủ nợ bằng phương tiện thông tin hợp doanh ít nhất ba lần trong vòng 10 ngày kể từ ngày ra nghị quyết sáp nhập, dành cho các chủ nợ thời hạn 60 ngày để phản đối nghị quyết kể từ khi nhận được thông báo. Các chủ nợ không phản đối nghị quyết hoặc không phản hồi thông báo trong thời hạn trên mặc nhiên được coi là không phản đối nghị quyết;
3. Đăng ký hoạt động kinh doanh như một doanh nghiệp mới.

Việc phản đối và có hiệu lực của hoạt động sáp nhập của công ty TNHH tương tự như quy định trong Điều 57 của Luật này.

Điều 165 : Lý do giải thể

Một công ty TNHH có thể bị giải thể vì hai lý do: theo luật pháp và theo quyết định của tòa án.

Việc giải thể công ty TNHH phải được đăng ký để giải thể tạm thời như quy định trong đoạn 2 Điều 58 của Luật này.

Điều 166 : Giải thể theo luật pháp

Công ty TNHH có thể bị giải thể trên bất cứ cơ sở pháp lý nào sau đây:

1. Giải thể theo Điều lệ của công ty TNHH;
2. Đại hội cổ đông của công ty thông qua nghị quyết giải thể như quy định trong Điều 149 của Luật này;
3. Phá sản;
4. Giải thể theo quy định của Chương 2 chương 3, Phần III của Luật này.

Điều 167 : Giải thể theo quyết định của toà án

Bất kỳ giám đốc hay cổ đông nào cũng có thể yêu cầu toà án xem xét việc giải thể công ty TNHH dựa trên những cơ sở của một trong những lý do sau:

1. Vi phạm quy định hoặc thủ tục thành lập công ty theo Luật này;
2. Vi phạm hợp đồng thành lập hoặc Điều lệ của công ty TNHH;
3. Công ty TNHH bị thua lỗ triền miên trong hoạt động kinh doanh và không có khả năng phục hồi;
4. Điều kiện bất khả kháng khiến công ty TNHH không có khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh;
5. Công ty chỉ còn duy nhất một cổ đông hoặc số lượng cổ đông vượt quá 30 người, trừ trường hợp quy định trong Điều 90 của Luật này.

Sau khi nhận được yêu cầu giải thể, toà án có thể xem xét việc giải thể hoặc lệnh cho công ty TNHH liên quan tự giải quyết vấn đề nếu tình hình không quá nghiêm trọng hoặc nếu công ty có thể tự giải quyết được.

Điều 168 : Hiệu quả của giải thể tạm thời

Việc giải thể công ty TNHH có hiệu lực tương tự như việc giải thể công ty hợp doanh theo Điều 62 của Luật này.

I. Thanh lý tài sản của công ty TNHH

Điều 169 : Phương thức thanh lý tài sản

Cổ đông có thể nhất trí lựa chọn hình thức phân chia hoặc thanh lý tài sản theo quy định của Điều lệ của công ty TNHH hoặc theo thỏa thuận, trừ trường hợp lý do giải thể công ty là do phá sản, do quyết định của toà án hoặc do công ty TNHH chỉ còn lại duy nhất một cổ đông hoặc số cổ đông vượt quá 30 người.

Điều 170 : Chỉ định hoặc bãi miễn người thanh lý tài sản.

Việc chỉ định hoặc bãi miễn người thanh lý tài sản được quy định trong Điều lệ của công ty TNHH. Trong trường hợp Điều lệ không có quy định về vấn đề này, việc chỉ định hoặc bãi miễn người thanh lý tài sản sẽ do đại hội cổ đông thực hiện với số phiếu biểu quyết của ít nhất hai phần ba số cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người thanh lý tài sản phải là người bình thường và có thể là người của công ty TNHH hoặc người ngoài công ty.

Trong trường hợp số phiếu biểu quyết của cổ đông để chỉ định người thanh lý tài sản không đủ như quy định tại đoạn 1 của Điều này, những người có quyền lợi đặc biệt trong công ty TNHH có thể yêu cầu toà án chỉ định người thanh lý tài sản.

Quá trình bãi miễn người thanh lý tài sản được thực hiện tương tự như quá trình chỉ định được quy định trong Điều này và Điều 171 của Luật này.

Điều 171 : Chỉ định người thanh lý tài sản của toà án

Toà án thực hiện việc chỉ định người thanh lý tài sản trong trường hợp công ty TNHH bị giải thể vì lý do phá sản, và trong trường hợp công ty chỉ còn một cổ đông hoặc số lượng cổ đông vượt quá 30 người.

Điều 172 : Chỉ định người thay thế

Trong trường hợp người thanh lý tài sản không có khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình vì bất cứ lý do gì như từ trần, trở thành người không còn khả năng bình thường thì việc chỉ định người thay thế sẽ diễn ra theo trình tự giống như quá trình chỉ định ban đầu.

Công ty TNHH phải thông báo cho công chúng, như được đề cập đến trong Điều này, Điều 170 và 171 của Luật này, việc chỉ định, bãi miễn hoặc chấm dứt nhiệm vụ của người thanh lý tài sản trong vòng 10 ngày kể từ ngày thực hiện.

Điều 173 : Ưu tiên trong thanh toán và phân chia nợ

Việc thanh toán và phân chia nợ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như trong đoạn 1 đến 4, Điều 69 của Luật này.

Tài sản dư sau khi đã thanh toán đầy đủ cho chủ nợ như trong đoạn 1 của Điều này sẽ được chia cho tất cả các cổ đông.

Điều 174 : Áp dụng các quy định về giải thể của công ty liên doanh thông thường.

Ngoài những quy định trong tiểu Mục I, Đoạn 2, Phần V, việc giải thể công ty TNHH được thực hiện phù hợp với Điều 67 về quyền lợi và nghĩa vụ của người thanh lý tài sản, Điều 68 về thực thi nghĩa vụ của nhiều người thanh lý tài sản, Điều 70 về nghĩa vụ của người thanh lý tài sản sau quá trình thanh lý, Điều 71 về trách nhiệm của người thanh lý tài sản và Điều 72 về thông báo về việc giải thể và rút lại vĩnh viễn đăng ký doanh nghiệp theo Luật này.

J. Công ty TNHH một thành viên

Điều 175 : Thành lập công ty TNHH một thành viên

Để thành lập công ty TNHH một thành viên, cần thực hiện những bước sau:

1. Đóng góp cổ phiếu đầy đủ dưới danh nghĩa công ty TNHH một thành viên như quy định trong đoạn 1, Điều 177 của Luật này;
2. Dự thảo Điều lệ của công ty TNHH một thành viên;
3. Đăng ký kinh doanh.

Điều 176 : Thông báo đăng ký kinh doanh

Việc đăng ký kinh doanh của công ty TNHH một thành viên cần có các hồ sơ sau:

1. Đơn đăng ký và giấy chứng nhận chỉ định người quản lý nếu có;
2. Điều lệ của công ty TNHH một thành viên;

Tất cả các văn bản trên phải do cổ đông và người quản lý công ty, nếu có, ký.

Điều 177 : Đóng góp và chuyển nhượng cổ phiếu của công ty TNHH một thành viên.

Cổ đông của công ty TNHH một thành viên phải đóng góp toàn bộ cổ phiếu của mình, bằng tiền hoặc bằng hiện vật, trước khi đăng ký kinh doanh.

Cổ phiếu của công ty TNHH một thành viên sau khi đã đăng ký kinh doanh không được rút lại nhưng có thể được chuyển nhượng hoặc thừa kế.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký kinh doanh, công ty TNHH một thành viên phải trình Chứng chỉ cổ phiếu cho cơ quan đăng ký liên quan để thông qua.

Chứng chỉ cổ phiếu của công ty TNHH một thành viên không thể chuyển nhượng thành tiền.

Điều 178 : Có hơn một cổ đông

Công ty TNHH một thành viên có hơn một cổ đông phải đổi tên công ty thành công ty TNHH và phải tiến hành các thủ tục như quy định tại tiểu mục A đến I, chương 2, Phần V của Luật này, hoặc phải bị giải thể.

Điều 179: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông của công ty TNHH một thành viên có những quyền và nghĩa vụ sau:

1. Thông qua Điều lệ của công ty TNHH một thành viên;
2. Thuê người quản lý;
3. Thuê kiểm toán viên, nếu thấy cần thiết;
4. Quyết định lương của người quản lý, kiểm toán viên và các nhân viên khác;
5. Thông qua báo cáo về hoạt động kinh doanh, thu chi và kế hoạch kinh doanh của công ty TNHH một thành viên;
6. Quyết định sử dụng lợi nhuận thu được;
7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác như được xác định trong Điều lệ của công ty TNHH một thành viên.

Điều 180 : Người quản lý

Người quản lý công ty TNHH một thành viên có thể là bản thân cổ đông duy nhất của công ty hoặc một người được thuê từ ngoài. Người quản lý được thuê được quyền hưởng lương như thỏa thuận. Cổ đông của công ty có thể thuê một hoặc nhiều người quản lý.

Người quản lý được thuê phải tiến hành tất cả các hoạt động được quy định trong Điều lệ của công ty TNHH một thành viên và phải nằm dưới sự giám sát của cổ đông.

Người quản lý được thuê có thể giao bớt một phần trách nhiệm quản lý của mình cho một người khác để giúp đỡ thực hiện.

Điều 181 (Sửa đổi) : Hợp đồng thuê người quản lý

Hợp đồng thuê người quản lý của công ty TNHH một thành viên phải được làm bằng

văn bản như quy định trong Luật Hợp đồng và ngoài Hợp đồng. Hợp đồng thuê người phải bao gồm những điều khoản cụ thể liên quan đến quyền, nghĩa vụ, lương bổng và trách nhiệm của các bên và điều khoản chấm dứt hợp đồng.

Quan hệ giữa người quản lý, công ty TNHH một thành viên và người ngoài dựa trên cơ sở của luật liên quan.

Điều 182 : Nghiêm cấm đối với người quản lý

Người quản lý được thuê không có quyền tiến hành hoạt động kinh doanh mang tính cạnh tranh với công ty thuê như sau:

Tiến hành hoạt động kinh doanh giống hoặc cùng một loại hình với hoạt động kinh doanh của công ty TNHH một thành viên, dù là tự kinh doanh hay kinh doanh trên danh nghĩa của một người khác, trừ khi được cổ đông đồng ý;

1. Là đối tác có trách nhiệm vô hạn của một công ty hợp doanh tiến hành hoạt động kinh doanh giống hoặc cùng một loại hình với hoạt động kinh doanh của công ty TNHH một thành viên, trừ khi được cổ đông đồng ý;

Điều 183 : Áp dụng quy định của công ty TNHH

Bên cạnh những quy định của tiểu mục J, Mục 2 của Phần này, các quy định của công ty TNHH về tăng, giảm vốn, tài chính, kiểm toán, sát nhập, giải thể hoặc thanh lý cũng được áp dụng cho công ty TNHH một thành viên.

CHƯƠNG III CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

A. Các nguyên tắc chung và việc thành lập công ty Đại chúng

Điều 184: Nguyên tắc của công ty đại chúng về số lượng cổ đông

Một công ty đại chúng phải có số lượng cổ đông sáng lập ít nhất là chín người và một kiểm toán viên kể từ ngày đăng ký kinh doanh.

Công ty đại chúng có số lượng cổ đông ít hơn chín người phải bị giải thể và phải tiến hành quá trình thanh lý như quy định trong tiểu mục I, Chương 2 Phần V của Luật này.

Điều 185 : Người sáng lập công ty đại chúng

Người sáng lập công ty đại chúng phải là một cá nhân hay thể nhân đáp ứng được những điều kiện sau:

1. Có đầy đủ khả năng hoạt động;
2. Không phải là người bị phá sản chưa qua giai đoạn bị hạn chế tiến hành hoạt động kinh doanh theo lệnh của tòa án;
3. Chưa bao giờ phải ngồi tù vì phạm tội liên quan đến gian lận hoặc biển thủ;
4. Cùng nắm giữ cổ phiếu tương đương với ít nhất 10% vốn đăng ký.

Công dân, người định cư lâu dài ở Lào, người không có quốc tịch sống tại Lào hoặc người nước ngoài (nhà đầu tư nước ngoài) có quyền trở thành người sáng lập công ty hợp doanh sở hữu 100%, trừ những trường hợp chính phủ quy định chi tiết ít nhất 50% người sáng lập công ty đại chúng phải là người Lào.

Điều 186 : Tổ chức hợp theo luật định của công ty đại chúng

Đại hội thành lập công ty đại chúng phải được thực hiện trong vòng 90 ngày sau khi hợp đồng thành lập công ty đại chúng được thông báo cho cơ quan đăng ký và cổ phần của công ty đã được bán hết.

Trong trường hợp Đại hội thành lập của công ty đại chúng không thể được tiến hành theo quy định của đoạn 1 của Điều này, những người sáng lập công ty phải thông báo cho cơ quan đăng ký liên quan trong vòng 10 ngày kể từ ngày thỏa thuận hoãn cuộc họp.

Cuộc họp tiếp theo phải được tổ chức trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo hoãn họp với cơ quan đăng ký. Hợp đồng thành lập công ty hợp doanh sẽ không còn giá trị nếu cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành và những người sáng lập công ty đại chúng phải trả lại hoàn trả 100% tiền mua cổ phiếu cho người mua.

Đại hội thành lập của công ty đại chúng phải được tiến hành tại huyện hoặc quận nơi trụ sở công ty đóng tại đó cuộc họp phải có sự tham dự của những người sáng lập, người mua cổ phiếu có số cổ phiếu tương đương với ít nhất hai phần ba tổng số cổ phiếu của công ty.

Điều 187 : Hợp đồng thành lập công ty đại chúng

Hợp đồng thành lập công ty hợp doanh phải bao gồm những điều khoản cụ thể được quy định trong Điều 86 của Luật này và phải thông báo ý định bán cổ phiếu rộng rãi của công ty.

Việc bán cổ phiếu rộng rãi của công ty chỉ có thể được thực hiện khi công ty hợp doanh được đăng ký và phải được thực hiện theo luật liên quan đến bán cổ phiếu.

Luật liên quan đến bán cổ phiếu phải được thực hiện riêng rẽ.

B. Cổ phần và trái phiếu của công ty đại chúng

Điều 188 : Cổ phần và đóng cổ phần

Cổ phần của công ty đại chúng có giá trị không được quá 100 ngàn kip.

Cổ đông của công ty phải đóng đầy đủ cổ phần của mình bằng tiền hoặc bằng hiện vật ngay ngày thành lập công ty.

Cổ đông của công ty sau khi đã được đăng ký có thể không được quyền yêu cầu tòa án cho phép rút lại cổ phần của mình.

Điều 189 : Chứng chỉ cổ phần

Chứng chỉ cổ phần của công ty đại chúng phải có những nội dung chính như sau:

1. Số tham chiếu của giấy chứng nhận
2. Tên và số của giấy chứng nhận đăng ký công ty đại chúng
3. Tên và quốc tịch của cổ đông
4. Số lượng cổ phiếu do cổ đông nắm giữ
5. Giá trị của cổ phiếu
6. Ngày phát hành giấy chứng nhận
7. Tên và chữ ký của giám đốc có dấu của công ty

Chứng chỉ cổ phần của công ty đại chúng có thể dùng để thương lượng.

Điều 190 : Chuyển nhượng cổ phần

Cổ phần của công ty đại chúng có thể được chuyển nhượng trong và ngoài công ty. Việc chuyển nhượng cổ phần được hoàn thành sau khi người chuyển nhượng chứng nhận phía sau Chứng chỉ cổ phần bằng cách ghi rõ họ tên người của người chuyển nhượng và nhận cổ phần chuyển nhượng và người chuyển nhượng giao giấy chứng nhận đó cho người nhận cổ phần chuyển nhượng.

Việc chuyển nhượng cổ phần có hiệu lực đối với:

1. Công ty đại chúng khi công ty đó nhận được yêu cầu đăng ký của vụ chuyển nhượng
 2. Người ngoài công ty khi công ty đại chúng đăng ký chuyển nhượng
- Sau khi nhận được yêu cầu, nếu việc chuyển nhượng cổ phần đúng thủ tục, công ty đại chúng đăng ký việc chuyển nhượng trong vòng năm ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Phương thức và thời gian đề nghị phát hành Chứng chỉ cổ phần mới để thay thế giấy chứng nhận cũ được quy định cụ thể trong Điều lệ của công ty đại chúng.

Người sáng lập công ty đại chúng không được phép chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại đoạn 4 Điều 185 của Luật này trong vòng hai năm kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp của công ty hợp doanh.

Điều 191 : Trái phiếu

Công ty đại chúng có thể vay tiền bằng cách phát hành trái phiếu để bán cho công chúng. Việc phát hành và bán trái phiếu phải tuân thủ các bước và quy định của luật liên quan đến bán chứng khoán.

Việc vay tiền của công ty đại chúng bằng cách phát hành và bán trái phiếu chỉ có thể được thực hiện khi có nghị quyết đặc biệt theo quy định của Điều 149 của Luật này.

C. Sáp nhập công ty đại chúng

Điều 192 : Sáp nhập một công ty đại chúng

Một công ty đại chúng có thể sáp nhập với một công ty khác để trở thành một công ty mới

hoặc có chức năng giống một trong hai công ty sát nhập.

Ngoài những quy định của trong Tiêu mục C, việc sáp nhập công ty đại chúng phải được thực hiện phù hợp với thủ tục sáp nhập quy định tại Điều 164 của Luật này.

Điều 193 : Sự phản đối của cổ đông đối với việc sáp nhập

Công ty nếu bị một cổ đông phản đối việc sáp nhập phải mua cổ phiếu của cổ đông đó với giá thị trường tại thời điểm mua.

Trong trường hợp không xác định được giá mua tương ứng trên thị trường chứng khoán, giá mua cổ phiếu của cổ đông phản đối sáp nhập sẽ là giá được tính bởi các chuyên gia độc lập được chỉ định theo một nghị quyết đặc biệt của đại hội cổ đông.

Công ty được quyền, mặc dù có cổ đông phản đối sáp nhập từ chối bán cổ phiếu của mình với giá được quy định tại đoạn 2 của Điều này, tiến hành việc sáp nhập và cổ đông phản đối sáp nhập sẽ mặc nhiên trở thành cổ đông của công ty sáp nhập.

Điều 194 : Thời gian quy định sáp nhập và việc đăng ký của công ty đại chúng được sáp nhập

Việc sáp nhập một công ty hợp doanh phải được hoàn thành trong vòng 150 ngày kể từ ngày nghị quyết của các công ty sát nhập được thông qua và công ty hợp doanh đã sáp nhập phải đăng ký trong vòng 10 ngày kể từ ngày vụ sáp nhập được hoàn tất.

Điều 195 (Sửa đổi) : Áp dụng các quy định đối với công ty TNHH

Ngoài những quy định trong Chương 3, Phần V của Luật này, quy định của công ty TNHH về thông báo đăng ký doanh nghiệp, trách nhiệm của người sáng lập, tăng hoặc giảm vốn, giám đốc công ty và HĐQT, họp đại hội cổ đông, tài chính, kiểm toán và thanh lý tài sản được áp dụng cho công ty hợp doanh.

PHẦN VI

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Chương I

NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 196 (Mới): Doanh nghiệp của nhà nước

Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do nhà nước thành lập và có cổ phần trên 50% hoặc chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp nhà nước theo thỏa thuận.

Doanh nghiệp nhà nước gọi là “doanh nghiệp quốc doanh”. Trong trường hợp doanh nghiệp quốc doanh và hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc của loại hình công ty phải gọi là “Công ty nhà nước”

Việc thành lập, quản lý điều hành, hoạt động kinh doanh và chuyển đổi doanh nghiệp khác thành công ty của nhà nước đã có quy định riêng.

Điều 197 (Mới) Điều kiện thành lập doanh nghiệp nhà nước

Điều kiện thành lập doanh nghiệp nhà nước gồm có :

1. Phải thuộc lĩnh vực quan trọng và thiết yếu của quốc gia, không cho phép thành phần kinh tế khác hoạt động kinh doanh như khu vực chiến lược và an ninh quốc gia;

2. Phải thuộc lĩnh vực công tác hỗ trợ cho nhà nước cung ứng dịch vụ ích lợi rộng rãi cho xã hội mà các thành phần kinh tế khác không thể hoạt động kinh doanh;
3. Phải thuộc lĩnh vực công tác hoạt động kinh doanh có tính hiệu quả, ổn định về kinh tế tài chính và có thể tích lũy vốn cao.

Điều 198 (Mới) Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước

1. Phù hợp với chủ trương của đảng, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, pháp luật và dưới sự quản lý của cơ quan liên quan;
2. Thực hiện quy chế quyết toán kinh doanh một cách tự chủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tài sản và nguồn vốn nhà nước đã giao;
3. Có cơ chế quản lý, vững mạnh, hiện đại, minh bạch thường xuyên kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập;
4. Đảm bảo có sự tham gia của cơ quan tổ chức, quần chúng để góp phần đạt hiệu quả kinh doanh

Điều 199 (Mới) Hội đồng quản trị của doanh nghiệp nhà nước

Doanh nghiệp nhà nước phải có hội đồng quản trị kể từ khi thành lập và có chức năng chỉ đạo – lãnh đạo chiến lược về phương hướng, kế hoạch quản lý điều hành doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị của doanh nghiệp nhà nước gồm có, chủ tịch, phó chủ tịch, một số thành viên và có bộ máy giúp việc.

Chủ tịch hội đồng quản trị phải là nhà nước và thường trực tại doanh nghiệp đó, có trách nhiệm chung đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm tài sản, nguồn vốn mà nhà nước giao cho.

Phó chủ tịch hội đồng quản trị là giám đốc doanh nghiệp nhà nước có nhiệm vụ quản lý trực tiếp đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trong trường hợp cần thiết doanh nghiệp nhà nước có thể thuê nhà điều hành có kinh nghiệm làm giám đốc.

Chi tiết cụ thể về việc tổ chức và hoạt động của hội đồng quản trị có trong quy định riêng.

Điều 200 (Mới) Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ như sau :

1. Nghiên cứu chiến lược, phương hướng kế hoạch trong việc quản lý điều hành doanh nghiệp nhà nước;
2. Đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp;
3. Chịu trách nhiệm với hiệu quả sử dụng tài sản và vốn nhà nước cấp;
4. Phê duyệt, bổ nhiệm kiểm toán bên ngoài;
5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động công tác của ban giám đốc ;
6. Thực hiện quyền và nhiệm vụ khác như đã quy định trong Luật.

Điều 201 (Mới) Tiếp cận nguồn vốn của doanh nghiệp nhà nước mới

Doanh nghiệp nhà nước có thể tiếp cận nguồn vốn như :

1. Vốn góp của nhà nước;
2. Liên doanh với doanh nghiệp khác ;
3. Thế chấp vay vốn bằng tài sản hoặc đất đai của mình;
4. Thị trường chứng khoán.

Việc thế chấp tài sản hoặc đất đai của doanh nghiệp để vay vốn và tiếp cận nguồn vốn trên thị trường chứng khoán được quy định riêng.

**PHẦN VII
DOANH NGHIỆP LIÊN DOANH**

Điều 202 (Mới) Doanh nghiệp liên doanh

Doanh nghiệp liên doanh là doanh nghiệp giữa nhà nước hoặc doanh nghiệp nhà nước với bộ phận khác trong hoặc ngoài nước, nhà nước hoặc doanh nghiệp nhà nước gọi là “bộ phận nhà nước”

Liên doanh giữa bộ phận nhà nước và bộ phận khác có 2 hình thức đó là:

1. Bộ phận khác nắm giữ cổ phần trong doanh nghiệp nhà nước ;
2. Bộ phận nhà nước nắm giữ cổ phần trong doanh nghiệp của bộ phận khác.

Điều 203 Bộ phận khác nắm giữ cổ phần trong doanh nghiệp nhà nước

Bộ phận khác có thể nắm giữ cổ phần trong doanh nghiệp với tỷ lệ góp vốn theo quy định tại đoạn 1, Điều 196 của Luật này.

Điều 204 Bộ phận nhà nước nắm giữ cổ phần trong doanh nghiệp của bộ phận khác

Bộ phận nhà nước có thể nắm giữ cổ phần trong doanh nghiệp của bộ phận khác với tỷ lệ góp vốn thỏa thuận.

Việc nắm giữ cổ phần của bộ phận nhà nước trong doanh nghiệp của bộ phận khác sẽ có tỷ lệ vốn nhiều hay ít cũng không thể khiến cho doanh nghiệp của bộ phận đó trở thành doanh nghiệp nhà nước ,ngoại trừ thỏa thuận để trở thành doanh nghiệp nhà nước theo quy định.

PHẦN VIII**QUẢN LÝ VÀ THANH TRA DOANH NGHIỆP****Điều 205(Sửa đổi) Cơ quan quản lý và thanh tra doanh nghiệp**

Chính phủ quản lý và thanh tra doanh nghiệp một cách tập trung và thống nhất trên phạm vi toàn quốc bằng việc tạo môi trường thuận lợi trong hoạt động kinh doanh ,giao cho cơ quan chức năng chủ động quản lý và thanh tra theo chức năng của mình trên cơ sở phối hợp với chính quyền địa phương.

Điều 206 : Quyền và nghĩa vụ của Cơ quan quản lý và thanh tra doanh nghiệp

Cơ quan quản lý và thanh tra doanh nghiệp có những quyền và nghĩa vụ sau:

1. Nghiên cứu chủ trương, chính sách và văn bản pháp lý về quản lý ,kiểm tra và phát triển hoạt động kinh doanh trong loại hình kinh doanh do ban ngành mình phụ trách ;
2. Phân cấp quản lý và kiểm tra hoạt động kinh doanh với loại hình kinh doanh do ban ngành mình phụ trách cho rõ ràng theo hướng giao trao nhiệm cho địa phương nhiều hơn;
3. Chỉ đạo ,thúc đẩy doanh nghiệp tổ chức thực hiện phương hướng chính sách và văn bản pháp lý về hoạt động kinh doanh của ban ngành mình đồng thời hỗ trợ về chuyên môn và đào tạo nhân lực;
4. Xem xét thỏa thuận đồng ý hoặc không đồng ý ký thành lập doanh nghiệp nằm trong danh sách loại hình kinh doanh do mình kiểm soát và có trách nhiệm đối với thỏa thuận này;
5. Việc tăng hoặc giảm hoạt động trong danh mục kinh doanh thuộc trách nhiệm của mình để đề xuất chính phủ xem xét thông qua;
6. Quản lý ,theo dõi ,kiểm tra hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động thuộc trách nhiệm ban ngành của mình ,đồng thời thực hiện các biện pháp xử lý đối với vi phạm được quy định trong quy chế;
7. Thông báo cho nhà chức trách đăng ký doanh nghiệp ra lệnh dừng hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp vi phạm quy định của ngành mình .Phải thông báo bằng văn bản đồng thời giải thích lý do thông báo dừng cho rõ ràng và chi tiết,cụ thể.
8. Thực hiện quyền và nhiệm vụ khác được quy định trong Luật.

Việc lệnh dừng hoạt động kinh doanh đã có quy định riêng.

Điều 207 (Sửa đổi) Hội đồng công thương

Hội đồng công thương là tổ chức xã hội của doanh nhân ,là cầu nối giữa cơ quan nhà nước và đơn vị kinh doanh ,là đại diện cho người sử dụng lao động ,Hội doanh nghiệp và các loại doanh nghiệp thành lập và hoạt động tại Lào.

Hội đồng công thương có chức năng đóng góp ý kiến của nhà nước về kinh doanh ,vận động ,giáo dục ,lãnh đạo ,tổ chức tập hợp các doanh nhân để xúc tiến kinh tế ,thương mại,công nghiệp ,tài chính và dịch vụ bao gồm bảo vệ lợi ích chính đáng của doanh nghiệp hoạt động hợp pháp.

Việc tổ chức và hoạt động ,quyền hạn nhiệm vụ chi tiết cụ thể của Hội đồng công thương được quy định tại Quy chế riêng.

PHẦN IX

CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG

VÀ BIỆN PHÁP XỬ PHẠT

Điều 208 : Chính sách khen thưởng

Bất kỳ cá nhân ,pháp nhân hay tổ chức nào có thành tích công tác xuất sắc theo Luật này đều được khen thưởng và nhận các phúc lợi thích đáng khác.

Điều 209 : Biện pháp xử phạt

Bất kỳ cá nhân ,pháp nhân hay tổ chức nào vi phạm Luật này đều bị phạt tùy theo mức độ của từng vi phạm.

Điều 210 : Cản trở đăng ký doanh nghiệp

Cán bộ tại cơ quan đăng ký hoặc các cá nhân khác cản trở việc đăng ký doanh nghiệp dưới bất kỳ hình thức nào như yêu cầu người nộp đơn đăng ký doanh nghiệp cung cấp thêm thông tin một cách không chính đáng, làm mất tài liệu và kéo dài thủ tục đăng ký đều bị kỷ luật bằng các biện pháp như nhắc nhở, điều sang công tác khác, bãi miễn, sa thải.

Quy định tại đoạn 1 ở trên được áp dụng cho việc kiểm tra và xem xét doanh nghiệp nằm trong Danh sách Tiêu cực của bộ ngành liên quan.

Điều 211: Lệnh tái đăng ký

Bất kỳ cá nhân nào ra lệnh tái đăng ký một doanh nghiệp đều bị kỷ luật bằng các biện pháp như điều chuyển sang công tác khác hoặc sa thải.

Quy định tại đoạn 1 ở trên được áp dụng cho tất cả các hình thức tái cấp phép liên quan đến doanh nghiệp nằm trong Danh sách Hạn chế của bộ ngành liên quan, trừ trường hợp được chính phủ cho phép.

Điều 212 : Hoạt động kinh doanh không đăng ký doanh nghiệp

Bất kỳ cá nhân nào tiến hành kinh doanh mà không đăng ký doanh nghiệp đều bị phạt tiền từ 1 đến 10 triệu kip mỗi lần.

Quyền lợi chính đáng của chủ nợ của cá nhân tiến hành hoạt động kinh doanh không đăng ký vẫn được bảo vệ nếu chủ nợ chỉ vì tin tưởng mà giao phó hoặc tham gia kinh doanh cùng cá nhân đó.

Điều 213: Tiến hành hoạt động kinh doanh ngoài mục đích

Một cá nhân hoặc pháp nhân tiến hành hoạt động kinh doanh ngoài mục đích hoạt động của doanh nghiệp mình bị phạt tiền từ 1 đến 5 triệu kip mỗi lần.

Điều 214 : Đăng ký doanh nghiệp không hợp lệ

Giấy phép đăng ký của doanh nghiệp đăng ký không hợp lệ như quy định tại Điều 19 của Luật này sẽ bị huỷ bỏ.

Cán bộ tại cơ quan đăng ký cấp giấy đăng ký không hợp lệ cho một cá nhân hay thể nhân như quy định tại đoạn 1 ở trên sẽ bị kỷ luật bằng nhiều hình thức như điều chuyển sang công tác khác, bãi miễn, sa thải.

Điều 215 : Tiết lộ, từ chối tiết lộ thông tin

Cán bộ tại cơ quan đăng ký hoặc cá nhân tiết lộ thông tin mà không được phép của doanh nghiệp liên quan được xác định tại đoạn 2 Điều 24 của Luật này sẽ bị coi là tiết lộ bí mật hành chính, bị phạt theo quy định của Luật Hình sự và bị sa thải.

Cán bộ tại cơ quan đăng ký không cho phép công chúng xem hoặc sao chụp, từ chối tiết lộ thông tin như quy định tại đoạn 1 Điều 24 của Luật này sẽ bị kỷ luật bằng các hình thức như điều chuyển sang công tác khác, bãi miễn hoặc sa thải.

Điều 216 : Treo biển hoặc sử dụng sai tên doanh nghiệp

Đối tượng treo biển hoặc sử dụng tên doanh nghiệp không nhất quán tên và biển vốn có của doanh nghiệp đó sẽ bị nhắc nhở hoặc phạt tiền 200 ngàn kip mỗi lần nếu không dỡ bỏ tên biển sai trong vòng bảy ngày kể từ ngày được lưu ý nhắc nhở.

Điều 217 : Sử dụng tên doanh nghiệp bị cấm

Cá nhân sử dụng tên doanh nghiệp bị cấm như nêu trong Điều 27 của Luật này sẽ bị phạt nhắc nhở hoặc phạt tiền 300 ngàn kip, tên bị cấm sẽ bị huỷ bỏ.

Điều 218 : Không dỡ bỏ biển doanh nghiệp sau khi giải thể

Cá nhân không dỡ bỏ biển doanh nghiệp sau khi giải thể như quy định tại đoạn 1 Điều 31 của Luật này sẽ bị phạt nhắc nhở hoặc phạt tiền 500 ngàn kip, biển doanh nghiệp sẽ bị tháo bỏ.

Điều 219 : Các vi phạm khác

Bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào vi phạm Luật này và gây tổn hại đến người khác phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Trong trường hợp phạm tội hình sự thì người vi phạm sẽ bị xử lý theo Luật Hình sự.

PHẦN X

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 220 : Tổ chức thực hiện

Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào chịu trách nhiệm thi hành Luật này.

Điều 221 (Sửa đổi) Hiệu lực

Luật này có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch nước ban hành Nghị định áp dụng và sau 15 ngày đăng công báo

Luật Doanh nghiệp này thay thế cho Luật doanh nghiệp số 11/NA ngày 09/11/2005.

Các quy định mâu thuẫn với Luật này đều bị huỷ bỏ.

Chủ tịch Quốc hội

(Đã ký và đóng dấu)

Pany Yathotu